

**BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
NĂM 2013 VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2014**

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KT-XH NĂM 2013

Năm qua, Chính phủ tiếp tục chỉ đạo thực hiện các giải pháp kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh bằng các giải pháp như thắt chặt chi tiêu công; tái cơ cấu kinh tế; thực hiện giảm, giãn và gia hạn thuế... Bên cạnh đó, thời tiết diễn biến phức tạp, cơn bão số 10, số 11 gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản, công trình kết cấu hạ tầng, sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản của tỉnh ta. Nhiều doanh nghiệp thiếu vốn, sản xuất cầm chừng, thu ngân sách trên địa bàn sụt giảm đã tác động nhiều mặt đến đời sống xã hội. Song với việc triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp của Chính phủ, sự đồng thuận, tinh thần quyết tâm của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và dân cư, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh ta tiếp tục đạt được những kết quả quan trọng.

Giá trị tổng sản phẩm năm 2013 ước đạt 11.934 tỷ đồng (Giá SS 2010), tốc độ tăng trưởng nền kinh tế ước đạt 6,7% so với năm 2012 (mục tiêu đề ra cả năm là 8,5-9%); Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,8% (mục tiêu cả năm 2,5-3%); khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,9% (mục tiêu cả năm 11,5-12%); khu vực dịch vụ tăng 8,6% (mục tiêu cả năm 8,5-9%). Kết quả cụ thể các lĩnh vực như sau

I. VỀ LĨNH VỰC KINH TẾ:

1. Sản xuất Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Năm 2013, sản xuất nông nghiệp đối mặt với nhiều thách thức, khó khăn. Biến đổi khí hậu đã gây ra các hiện tượng thời tiết cực đoan, như hạn hán xảy ra cuối vụ Đông Xuân, 02 cơn bão số 10 và 11 xảy ra vào cuối tháng 9, đầu tháng 10 làm thiệt hại nhiều diện tích rừng trồng và cây công nghiệp dài ngày, nhất là cao su. Dịch bệnh trên cây trồng, con nuôi diễn biến phức tạp; các chi phí đầu vào tăng trong khi giá tiêu thụ nông sản một số mặt hàng nông nghiệp chủ lực giảm đã tác động lớn đến sản xuất và thu nhập của người nông dân. Trước tình hình đó, UBND tỉnh đã kịp thời chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức thực hiện nhiều biện pháp thiết thực, như: ngăn mặn, giữ ngọt, tổ chức tưới hợp lý, chủ động xây dựng phương án chống hạn vụ Hè Thu 2013 đảm bảo đủ nước cho sản xuất; hỗ trợ một phần thuốc sinh học diệt chuột... nên lĩnh vực nông nghiệp tiếp tục duy trì tăng trưởng.

Toàn tỉnh gieo trồng được 53.679,6 ha cây lương thực có hạt, đạt 98,7% kế hoạch năm 2013. Ước sản lượng đạt 233.643,1 tấn, giảm 16.704 tấn so với cùng kỳ năm trước, đạt 101,57 kế hoạch năm 2013; Trong đó, tổng diện tích gieo trồng cây lúa 50.122,4 ha, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm trước, đạt 103,9% kế hoạch năm. Năng suất lúa đạt 44,7 tạ/ha, giảm 4,4 tạ/ha so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng lúa đạt 224.175 tấn, giảm 16.346 tấn so với cùng kỳ năm trước, đạt 101,43% so với kế hoạch; diện tích cây ngô đạt 3.557 ha, giảm 6,4%, sản lượng đạt 9.493 tấn, giảm 2,6% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do chuột phá hoại nặng cả 2 vụ, vào tất cả các giai đoạn sinh trưởng của lúa, nhiều diện tích bị mất trắng.

Diện tích gieo trồng cây lạc 4.286,6 ha, đạt 89,3% so với kế hoạch năm, năng suất lạc đạt 19,9 tạ/ha, tăng 1,7 tạ/ha so với cùng kỳ năm trước, sản lượng đạt 8.529,3 tấn, tăng 4,8% so với cùng kỳ năm trước và đạt 100,3 % kế hoạch đề ra. Diện tích gieo trồng rau, đậu các loại đạt 6.741,6 ha, giảm 4,1% so với cùng kỳ năm trước. Năng suất rau đạt 94,4 tạ/ha, sản lượng ước đạt 46.296,8 tấn, giảm 1.246,2 tấn so với cùng kỳ năm trước; Năng suất đậu đạt 8,8 tạ/ha, tăng 6% so với cùng kỳ. Diện tích trồng rau an toàn ngày càng được quan tâm mở rộng¹.

Diện tích cây công nghiệp dài ngày ước đạt hơn 27.000 ha, trong đó: cao su 19.943 ha, cà phê 5.052 ha, hồ tiêu là 2.048 ha. Năng suất cao su đạt 10,9 tạ/ha, giảm 2,4 tạ/ha so với cùng kỳ; Năng suất cà phê nhân ước đạt 17,5 tạ/ha, tăng 0,3 tạ/ha so với cùng kỳ năm trước; tuy nhiên, giá bán cà phê biến động giảm, thị trường xuất khẩu bị thu hẹp nên gây khó khăn cho người trồng². Năng suất hồ tiêu ước đạt 12,2 tạ/ha, tăng 0,7 tạ/ha so với cùng kỳ năm trước.

Ước tính tại thời điểm 1/10/2013, đàn trâu có 25.750 con, giảm 0,3% (-78 con) so với cùng kỳ năm 2012; Đàn bò 49.980 con, tăng 0,2% (+98 con); Đàn lợn 236.500 con, tăng 0,6% (+1.307 con); Tổng đàn gia cầm có 1,86 triệu con, tăng 1,4% (+ 23 nghìn con). Chất lượng đàn gia súc, gia cầm từng bước được nâng lên; trọng lượng xuất chuồng tăng nhờ phát triển nhiều giống con nuôi cho năng suất và hiệu quả cao. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng năm 2013 ước tính 30.860 tấn, tăng 2,7% so với năm 2012.

Sản lượng thủy hải sản cả năm ước đạt 25.762 tấn, tăng 1,8% so với cùng kỳ và đạt 95,4% kế hoạch. Sản lượng nuôi thủy sản đạt thấp do dịch bệnh hội chứng hoại tử gan tụy cấp trong nuôi tôm sú đã làm hầu hết diện tích tôm sú bị bệnh mất trắng, số diện tích không bị bệnh năng suất đạt từ 2-2,2 tấn/ha, sản lượng đạt 250 tấn.

Công tác trồng rừng được đẩy mạnh, trồng rừng sản xuất ước đạt 5.050ha. Diện tích rừng giao khoán đã được bảo vệ tốt, không xảy ra các hành vi xâm hại rừng; Đã có 5 vụ cháy rừng xảy ra, gây thiệt hại 3,5 ha rừng.

¹ Đến nay có 50 ha rau được Sở Nông nghiệp & PTNT cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất rau an toàn theo Quyết định 99/2008/QĐ-BNN-PTNT.

² Giá thu mua cà phê đầu vụ 3.000-4.000đ/kg quả tươi, cao nhất 6.000 đ/kg

Công tác tuyên truyền xây dựng nông thôn mới tiếp tục được tập trung đẩy mạnh³. 100% xã đã hoàn thành phê duyệt đồ án quy hoạch nông thôn mới và đang thực hiện công khai, công bố quy hoạch. Có 86/117 xã đã hoàn thành đề án xây dựng nông thôn mới và được UBND huyện phê duyệt; các xã còn lại đang được UBND các huyện thẩm định và phê duyệt và dự kiến hoàn thành trong năm 2013. Xây dựng và triển khai thực hiện 22 mô hình phát triển sản xuất nông thôn mới, chủ yếu là các mô hình phát triển chăn nuôi và trồng trọt. Tích cực thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng nông thôn cho 30 xã điểm⁴. Đến nay, số xã đạt từ 10-15 tiêu chí là 33/117 xã (chiếm 28,2%), tăng thêm 20 xã so với năm 2012; Số xã đạt từ 5- 9 tiêu chí là 66/117 xã (chiếm 56,4%), giảm 7 xã; Số xã đạt dưới 5 tiêu chí là 18/117 xã (chiếm 15,4%), giảm 13 xã.

2. Sản xuất Công nghiệp - Xây dựng

Sản xuất công nghiệp vẫn tiếp tục gặp khó khăn do thị trường tiêu thụ sản phẩm bị thu hẹp; giá cả và chi phí nguyên vật liệu tăng; lãi vay ngân hàng tuy có giảm nhưng vẫn còn cao; cạnh tranh gay gắt giữa hàng nội địa và hàng nhập khẩu giá rẻ...

Ước giá trị sản xuất công nghiệp năm 2013 đạt 5.514 tỷ đồng (GSS 2010), tăng 9% so với năm 2012; Trong đó, công nghiệp khai khoáng giảm 6%, công nghiệp chế biến chế tạo tăng 11,4%, sản xuất và phân phối điện tăng 2,8%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 8,2%. Một số sản phẩm chủ yếu sản xuất tăng khá cao so năm trước: tinh bột sắn tăng 15,7%, dầu nhựa thông tăng 33,6%, phân hóa học tăng 20%, lốp xe máy, xe đạp tăng 22,7%, gạch xây tăng 6,5%, xi măng tăng 34,3%. Các sản phẩm khai khoáng như inmenit, zircon, đá xây dựng; sản phẩm gỗ xẻ; cửa kim loại; tấm lợp kim loại; điện sản xuất đều giảm so với năm 2012.

Hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh trong năm gặp nhiều khó khăn, vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách nhà nước bị cắt giảm mạnh, các công trình xây dựng mới rất hạn chế; nhiều doanh nghiệp xây dựng phải hoạt động cầm chừng, ngừng hoạt động do không có công trình hoặc không đủ sức cạnh tranh. Dự ước giá trị sản xuất xây dựng theo giá hiện hành năm 2013 thực hiện 6.393,7 tỷ đồng (giá hiện hành)⁵. Đã hoàn thành các đề án: Quy hoạch quản lý chất thải rắn đến năm 2020; Phát triển nhà ở cho công nhân khu công nghiệp Nam Đông Hà; Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; Kế hoạch phát triển vật liệu không nung đến năm 2020...

³ Đã xây dựng được 2 chuyên mục về nông thôn mới trên báo Quảng Trị và Đài phát thanh truyền hình tỉnh; chuyên trang nông thôn mới Quảng Trị trên báo Nông nghiệp VN; chuyên đề tuyên truyền nông thôn mới của các đoàn thể xã hội và nhiều chương trình của Đài phát thanh các huyện. Cùng với việc đưa cổng thông tin điện tử nông thôn mới vào hoạt động, các điển hình tiêu biểu trong phong trào xây dựng NTM, các chủ trương chính sách mới kịp thời chuyển tải đến toàn thể nhân dân.

⁴ UBND tỉnh phân bổ 11.040 triệu đồng; các huyện, thị xã phân bổ 5.888 triệu đồng

⁵ trong đó, công trình nhà ở chiếm 51,6%, công trình nhà không để ở chiếm 9,5%, công trình kỹ thuật dân dụng chiếm 33,4%, hoạt động xây dựng chuyên dụng chiếm 5,5%.

3. Thương mại - Giá cả - Dịch vụ

3.1. Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng:

Mặc dù sức mua trong các tầng lớp dân cư có phần hạn chế nhưng do giá cả thị trường nhiều mặt hàng tiêu dùng tương đối ổn định, cùng với chính sách kích cầu tiêu dùng, thực hiện cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam", nên hoạt động thương mại và dịch vụ năm 2013 vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng.

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ cả năm ước thực hiện 17.861 tỷ đồng, tăng 16,4% so với năm 2012; Trong đó: kinh tế nhà nước thực hiện 1.822 tỷ đồng, tăng 18,4%; kinh tế cá thể thực hiện 11.002 tỷ đồng, tăng 12,1%; kinh tế tư nhân thực hiện 5.035 tỷ đồng, tăng 25,9%.

Phân theo ngành kinh tế: Thương nghiệp thực hiện 15.072 tỷ đồng, tăng 16,3%; lưu trú và ăn uống thực hiện 1.881 tỷ đồng, tăng 21,6%; du lịch, lữ hành thực hiện 36,5 tỷ đồng, tăng 6%; dịch vụ thực hiện 871 tỷ đồng, tăng 8,7%.

3.2. Tình hình kinh doanh xuất, nhập khẩu:

Hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh có những tín hiệu lạc quan. Kim ngạch xuất khẩu ước thực hiện cả năm là 118 triệu USD, tăng 23,5% so với năm 2012. Một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là cà phê 1.725 tấn, cao su 1.970 tấn, tinh bột sắn 28.678 tấn, phân NPK 16.540 tấn, hàng hóa khác 93.371 nghìn USD. Một số mặt hàng nhập khẩu tăng cao như: xe đạp và phụ tùng, sản phẩm bằng plastic...; một số mặt hàng truyền thống giảm mạnh như: cà phê, sản phẩm bằng gỗ.

Kim ngạch nhập khẩu ước thực hiện cả năm là 140 triệu USD, đạt 100% so với kế hoạch, tăng 14% so với năm 2012. Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là gỗ xẻ 42.670 m³, gỗ tròn 7.950 m³ (giảm so với năm 2013), thạch cao 172.600 tấn, hàng hóa khác 76.328 nghìn USD. Trong đó, sản phẩm nhập khẩu chủ yếu tăng là: sữa và sản phẩm từ sữa, máy móc, thiết bị, phương tiện khác, thạch cao...

3.3. Về giá cả thị trường:

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 10/2013 tăng so với tháng 12/2012 là 8,29%; Trong đó, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 6,36%; lương thực tăng 10,14%; thực phẩm tăng 5,36%; ăn uống ngoài gia đình tăng 5,35%; đồ uống và thuốc lá tăng 5,09%; may mặc, giày dép và mũ nón tăng 5,88%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 4,54%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 4,35%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 71,69%; giao thông tăng 1,66%; bưu chính viễn thông giảm 0,1%; giáo dục tăng 2,14%; văn hoá, giải trí và du lịch tăng 4,07%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 4,72%; chỉ số giá vàng giảm 15,74%; chỉ số giá đô la Mỹ tăng 2,11%. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 10 tháng năm 2013 so với bình quân 10 tháng năm 2012 tăng 8,24%.

Dự ước chỉ số giá tiêu dùng tháng 12 năm 2013 so với tháng 12 năm 2012 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị tăng 9%; Bình quân năm 2013 so với bình quân năm 2012 tăng 8,5%.

4. Giao thông Vận tải:

Doanh thu vận tải cả năm ước thực hiện 962 tỷ đồng, tăng 8,44% so với năm 2012. Khối lượng vận chuyển hành khách thực hiện 5.954 nghìn lượt hành khách, tăng 10,4%; khối lượng luân chuyển hành khách thực hiện 501.354 nghìn người.km, tăng 4,4%; khối lượng vận chuyển hàng hóa thực hiện 7.746 nghìn tấn, tăng 16,5%; khối lượng luân chuyển hàng hóa thực hiện 494.857 nghìn tấn.km, tăng 4%.

Năm 2013, UBND tỉnh đã chỉ đạo các địa phương: Thành phố Đông Hà, huyện Triệu Phong, thị xã Quảng Trị tập trung triển khai công tác GPMB QL1 đoạn từ thành phố Đông Hà đến thị xã Quảng Trị. Kết quả đến 20/11/2013 như sau: Đã GPMB được 455 hộ, còn 27 hộ đang vướng mắc/183 m; Tổng chiều dài tuyến đã bàn giao cho đơn vị thi công: 13 km. Đang triển khai các đoạn còn lại từ ranh giới Quảng Bình đến Thừa Thiên Huế.

Về an toàn giao thông: Tính đến nay, trên địa bàn tỉnh xảy ra 229 vụ tai nạn giao thông, giảm 36 vụ (-13,6%) so với cùng kỳ năm 2012; làm chết 103 người, giảm 4 người (-3,7%); bị thương 247 người, giảm 29 người (-10,5%).

5. Tài chính – Ngân hàng:

Tổng thu NSNN năm 2013 ước thực hiện 6.417,697 tỷ đồng, đạt 114,1% dự toán địa phương và bằng 90,5% so với cùng kỳ năm 2012.

Thu ngân sách trên địa bàn: Ước thực hiện 1.633,73 tỷ đồng/DT 1.710 tỷ đồng, đạt 95,5% dự toán địa phương và bằng 105,6% cùng kỳ năm 2012; Trong đó:

- Thu nội địa ước thực hiện 1.063,73 tỷ đồng/875 tỷ đồng, đạt 121,6% dự toán và bằng 108,4% cùng kỳ năm 2012. Dự kiến hụt thu cân đối ngân sách cấp tỉnh là 17,81 tỷ đồng.

- Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu ước thực hiện: 570 tỷ đồng, đạt 68,3% dự toán và bằng 101,2% so với cùng kỳ năm 2012.

Chi ngân sách địa phương ước thực hiện 5.840,476 tỷ đồng/ DT 4.782,681 tỷ đồng, đạt 122% dự toán và bằng 104% cùng kỳ năm 2012, trong đó có một số khoản chi như sau:

- Chi đầu tư phát triển ước thực hiện 717,865 tỷ đồng/DT 505,217 tỷ đồng, đạt 142% dự toán và bằng 102% cùng kỳ năm 2012.

- Chi thường xuyên ước thực hiện 3.430,270 tỷ đồng/DT 3.037,728 tỷ đồng, đạt 113% dự toán và bằng 149% cùng kỳ năm 2012.

Về lĩnh vực ngân hàng: Tính đến 31/10/2013, huy động tiền gửi đạt 9.557 tỷ đồng, giảm 517 tỷ đồng (5,13%) so với cuối năm 2012 nhưng tăng 452 tỷ đồng (4,96%) so với cùng kỳ năm trước; ước thực hiện cả năm đạt 10.100 tỷ đồng, tương đương cuối năm 2012. Hoạt động tín dụng có dấu hiệu tăng dần, đến 31/10/2013 tổng dư nợ cho vay đối với nền kinh tế đạt 10.733 tỷ đồng, tăng 808 tỷ đồng (8,14%) so với cuối năm 2012; tăng 1.498 tỷ đồng (16,22%) so với cùng

kỳ năm trước; Dự nợ cho vay cả năm ước đạt 11.100 tỷ đồng, tăng 12% so cuối năm 2012⁶.

Nợ xấu 10 tháng đầu năm là 197 tỷ đồng, chiếm 1,84% tổng dư nợ, tăng 86 tỷ đồng so với cuối năm 2012. Dự kiến nợ xấu cuối năm sẽ giảm nhờ xử lý bằng nguồn trích lập dự phòng rủi ro và bán nợ cho VAMC⁷.

6. Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội

Dự ước, tổng mức vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn năm 2013 thực hiện 8.200 tỷ đồng, tăng 10,3% so với năm 2012. Vốn ngân sách nhà nước thực hiện 2.462,5 tỷ đồng, giảm 9,1%; vốn ngoài nhà nước thực hiện 5.614 tỷ đồng, tăng 21,7%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 125 tỷ đồng, tăng 8,8%.

Thực hiện giải ngân các nguồn vốn có nhiều tiến bộ, tính đến 31/10/2013 đạt 1.321,383 tỷ đồng, bằng 68,92% KH (cùng kỳ năm 2012 đạt 64,46%); Trong đó: Nguồn vốn đầu tư trong cân đối giải ngân đạt 72,3%; Nguồn vốn ngân sách TW hỗ trợ có mục tiêu đạt 73,15%; Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia đạt 44,09%; Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ đạt 50,95%; Nguồn vốn nước ngoài (ODA) đạt 129,778% (tính theo tiến độ thực hiện của các dự án); Các nguồn vốn khác đạt 50,71% kế hoạch vốn được giao. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ xây dựng và hoàn thành thủ tục thanh toán đảm bảo giải ngân đạt 100% kế hoạch.

7. Hoạt động đối ngoại và xúc tiến đầu tư:

Hoạt động xúc tiến, vận động, thu hút đầu tư được đẩy mạnh và đạt được nhiều kết quả. Quan hệ với một số đối tác mới được thiết lập và tăng cường, các dự án trọng điểm của tỉnh đạt được một số thỏa thuận về triển khai dự án đầu tư...

Đối với nguồn vốn ODA, đã có 04 dự án được ký Hiệp định vay với tổng vốn đầu tư là 128,6 triệu USD⁸. Có 04 dự án được Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh phê duyệt danh mục tài trợ ODA với tổng vốn là 33,858 triệu USD⁹; có 06 dự án ODA được UBND tỉnh đề nghị các Bộ, ngành Trung ương xem xét trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục tài trợ với tổng vốn là 110,112 triệu USD¹⁰ và 06 dự án được UBND tỉnh phê duyệt đầu tư hoặc phê duyệt điều

6 Năm 2012: Huy động vốn đạt 10.074 tỷ; Dự nợ tín dụng đạt 9.925 tỷ đồng.

⁷ Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

⁸ Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng Mê Kông do ADB tài trợ (tổng vốn đầu tư đối với tỉnh Quảng Trị là 101,07 triệu USD); Dự án Xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn góp phần xóa đói giảm nghèo và ứng phó biến đổi khí hậu huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị do OFID tài trợ (vốn vay 7 triệu USD); Dự án Phát triển cấp nước Đông Hà và vùng phụ cận do ADB tài trợ (vốn vay giai đoạn I là 20,5 triệu USD).

⁹ Dự án HTKT Tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu cho các thành phố tiểu vùng Mê Kông mở rộng do ADB tài trợ (1,1 triệu USD); Dự án HTKT cải thiện năng lực hoạt động ngành nước do ADB tài trợ (1,125 triệu USD); Dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới do WB tài trợ (tổng vốn đầu tư là 210 triệu USD trong đó Hợp phần tại Quảng Trị có tổng mức đầu tư khoảng 30,7 triệu USD); Dự án Hỗ trợ sinh kế cho các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông, tỉnh Quảng Trị do ADB tài trợ (0,933 triệu USD).

¹⁰ Dự án giảm nghèo bền vững xã Vĩnh Ổ, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị vận động viện trợ không hoàn lại của Ai Len (TMĐT là 5 triệu USD); Dự án Cải thiện hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị kêu gọi tài trợ của Ngân hàng Phát triển Châu Á (TMĐT là 176,7 triệu USD, trong đó hợp phần tỉnh Quảng Trị khoảng 45 triệu USD); Dự án Kết nối Hành lang Kinh tế Đông Tây với chuỗi các đô thị và Khu kinh tế động lực phía Đông Nam tỉnh Quảng Trị vận động vốn vay của JICA (TMĐT là 30,9 triệu); Dự án

chính Quyết định đầu tư với tổng vốn khoảng 11,235 triệu USD¹¹. Lũy kế giải ngân vốn kế hoạch năm 2013 của các chương trình, dự án ODA trên địa bàn tỉnh trong 10 tháng đầu năm là 266,250 tỷ đồng, bằng 106% kế hoạch vốn được Trung ương giao năm 2013 (266,250 tỷ đồng/252,200 tỷ đồng) và bằng 44% kế hoạch vốn năm 2013 theo tiến độ thực tế đã cam kết với nhà tài trợ (266,250 tỷ đồng/599,307 tỷ đồng); trong đó, lũy kế giải ngân vốn nước ngoài trong 10 tháng đầu năm là 216,729 tỷ đồng, bằng 130% kế hoạch vốn nước ngoài được Trung ương giao năm 2013 và bằng 45% kế hoạch vốn nước ngoài thực hiện theo cam kết với nhà tài trợ; Lũy kế giải ngân vốn đối ứng là 49,521 tỷ đồng, bằng 58% kế hoạch vốn đối ứng được Trung ương giao năm 2013 và bằng 43% kế hoạch vốn đối ứng thực hiện theo cam kết với nhà tài trợ. Tỷ lệ giải ngân vốn đối ứng đạt thấp là do nguồn vốn 30 tỷ đồng ứng trước kế hoạch 2014 mới được phân bổ trong tháng 9, các chủ dự án hiện đang tiến hành các thủ tục giải ngân. Ước giá trị giải ngân cả năm 2013 của các dự án ODA là 397,593 tỷ đồng, đạt 158% kế hoạch năm 2013 Trung ương giao và bằng 66% kế hoạch vốn năm 2013 theo tiến độ thực tế đã cam kết với nhà tài trợ. Bên cạnh đó, tỉnh cũng đã tích cực phối hợp với Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc(KOICA) khảo sát, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện "Chương trình Hạnh phúc tỉnh Quảng Trị" (Haengbok Program) trong khuôn khổ Chương trình Hạnh phúc Việt Nam do Chính phủ Hàn Quốc hỗ trợ.

UBND tỉnh đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho 20 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đầu tư 1.600,18 tỷ đồng, 02 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài với tổng vốn đầu tư 262,5 tỷ đồng. Tiếp tục tích cực kêu gọi, thu hút các dự án đầu tư trọng điểm như: Dự án Cảng biển Mỹ Thủy, dự án Nhiệt Điện, dự án cấp nước sông Nhùng và một số dự án khác đầu tư vào Khu Đông Nam tỉnh Quảng Trị. Tỉnh đã tích cực hỗ trợ Công ty điện lực quốc tế Thái Lan (EGATi) xây dựng kế hoạch phối hợp với Bộ Công thương triển khai dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị với công suất 1200 MW theo hình thức BOT. Trong năm, UBND tỉnh đã thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư của 01 dự án FDI có tổng vốn đầu tư là 5 triệu USD.

Công tác vận động viện trợ phi Chính phủ nước ngoài được tiếp tục triển khai tích cực và có hiệu quả. Các tổ chức quốc tế đã tài trợ 30 dự án viện trợ PCPNN mới phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, khắc phục hậu quả chiến tranh tại địa phương với tổng kinh phí 6,901,845 USD,

Đầu tư mua sắm trang thiết bị y tế Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị vay vốn của Chính phủ Áo (TMĐT là 13,089 triệu EUR, tương đương 17,888 triệu USD); Dự án Tăng cường cơ sở vật chất và năng lực Trường Trung học Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Trị kêu gọi KOICA tài trợ (TMĐT là 2,247 triệu USD); Dự án Xây dựng nông thôn mới tại 02 xã thí điểm: Triệu Trạch, huyện Triệu Phong và Cam Thủy, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị kêu gọi KOICA tài trợ (TMĐT là 4,077 triệu USD);

¹¹ Dự án HTKT Tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu cho các thành phố tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng do ADB tài trợ (TMĐT là 1,1 triệu USD); Dự án HTKT Cải thiện hoạt động của ngành nước do ADB tài trợ (TMĐT là 1,125 triệu USD); Dự án Đường nối Cầu Đại Lộc với Quốc lộ 1A đăng ký sử dụng nguồn vốn kết dư Chương trình tín dụng chuyên ngành JICA SPL VI (TMĐT là 1,9 triệu USD); Dự án Nâng cấp cơ sở vật chất ngành y tế tỉnh Quảng Trị sử dụng vốn ODA của Italia (TMĐT là 3,5 triệu USD); Dự án Nâng cấp, cải tạo hệ thống lưới điện các xã Cam Thủy, Cam Hiếu, Cam Tuyền, huyện Cam Lộ đăng ký sử dụng nguồn vốn kết dư Chương trình tín dụng chuyên ngành JICA SPL VI (TMĐT là 0,95 triệu USD); Dự án Nâng cấp hệ thống hồ Triệu Thượng 1, 2 thuộc Dự án Quản lý thiên tai do WB tài trợ (TMĐT là 3,61 triệu USD).

trong đó kinh phí các dự án năm 2013 là 2,437,567 (giá trị giải ngân thực tế đạt hơn 2,010,360 USD);

Đầu tư từ Khu vực ngoài nhà nước tăng khá do khối doanh nghiệp ngoài nhà nước đăng ký thành lập mới tăng; Các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất công nghiệp cá thể đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp; đầu tư phát triển nhà ở và đầu tư khác của dân cư.

8. Phát triển doanh nghiệp và hợp tác xã

Trong 10 tháng đầu năm 2013, tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới là 260 doanh nghiệp, tăng 29,4% so với cùng kỳ; Trong đó, có 40 hộ kinh doanh vàng trang sức chuyển đổi thành doanh nghiệp tư nhân theo quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng. Vốn đăng ký mới của các doanh nghiệp là 1.308 tỷ đồng, tăng 96% so với cùng kỳ. Có 183 doanh nghiệp bổ sung thêm ngành nghề và 47 doanh nghiệp tăng vốn để mở rộng sản xuất kinh doanh.

Số doanh nghiệp tuyên bố phá sản, giải thể và tạm ngừng hoạt động giảm 28% so với cùng kỳ năm trước; Trong đó, có 3 doanh nghiệp yêu cầu mở thủ tục phá sản, 21 doanh nghiệp đăng ký giải thể và 51 doanh nghiệp vi phạm khoản 2 Điều 165 Luật doanh nghiệp bắt buộc giải thể; 19 doanh nghiệp ngừng hoạt động.

Đã tiến hành kiểm tra sau đăng ký kinh doanh hơn 300 doanh nghiệp, phát hiện 100 doanh nghiệp vi phạm Luật doanh nghiệp, hoạt động không theo nội dung đăng ký kinh doanh, không treo biển hiệu, không hoạt động tại trụ sở, không thực hiện góp vốn theo điều lệ, vi phạm các quy định về thuế, vi phạm các điều kiện kinh doanh, ngành nghề kinh doanh có điều kiện v.v.. đã ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 47 doanh nghiệp.

Tính đến nay, trên địa bàn tỉnh, số doanh nghiệp đăng ký hoạt động theo Luật Doanh nghiệp là 2.518 doanh nghiệp, 459 chi nhánh, 39 văn phòng đại diện và 61 địa điểm kinh doanh với tổng số vốn đăng ký trên 16.000 tỷ đồng; giải quyết việc làm cho khoảng gần 33.000 lao động.

Toàn tỉnh có 356 HTX, Liên hiệp HTX. Tổng số xã viên HTX hiện có là 101.750 xã viên; Tổng số lao động thường xuyên trong HTX hiện có là 3.830 người. Có khoảng 7.150 tổ hợp tác với 58.265 thành viên, trong đó có 131 tổ hợp tác có hợp đồng hợp tác, có chứng thực của UBND xã, phường theo Nghị định 151. Hầu hết các HTX đã có nhiều cải tiến trong công tác tổ chức, quản lý, mở rộng dịch vụ, phát triển thêm ngành nghề, làm đầu mối tiếp nhận các chương trình chuyển giao kỹ thuật và các nguồn vốn phục vụ trực tiếp cho kinh tế hộ, kinh tế trang trại, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, con nuôi. Một số HTX đã mạnh dạn huy động vốn, trang bị thêm tài sản cố định, đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh có hiệu quả hơn, tạo thêm việc làm cho người lao động; ổn định đời sống xã viên.

II. LĨNH VỰC VĂN HÓA – XÃ HỘI

1. Giáo dục - Đào tạo:

Tiếp tục thực hiện lồng ghép cuộc vận động "*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*" với cuộc vận động "*Mỗi thầy, cô giáo là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo*", cuộc vận động "*Hai không*" và phong trào thi đua "*Xây dựng trường học thân thiện - học sinh tích cực*" đã thu được nhiều kết quả tốt đẹp; nhận thức, ý thức tinh thần trách nhiệm của đội ngũ nhà giáo cũng như học sinh có nhiều chuyển biến tích cực; môi trường sư phạm ngày một đổi mới; trường học ngày càng khang trang, Xanh-Sạch-Đẹp và thân thiện, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Giáo dục Mầm non được củng cố, mạng lưới trường, lớp và loại hình các cơ sở mầm non phù hợp với thực tiễn địa phương. Tập trung triển khai thực hiện công tác phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi với nhiều giải pháp tích cực quyết liệt. Đến nay, có 139/141 xã, phường, thị trấn và 10/10 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn. Tỉnh đang đề nghị Bộ GD&ĐT kiểm tra, công nhận đạt chuẩn trong năm 2013.

Giáo dục phổ thông tiếp tục dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng; dạy học theo phương pháp VNEN và "*bàn tay nặn bột*" ở cấp tiểu học; dạy học theo hướng phân hoá, sát đối tượng ở cấp THPT. Tổ chức tốt các kỳ thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, tham gia và đạt giải giáo viên dạy giỏi cấp Quốc gia môn Quốc phòng - an ninh; các kỳ thi HSG văn hoá lớp 9, lớp 12, kỹ thuật phổ thông, hùng biện Tiếng Anh, IOE, Violimpic Toán và nghiên cứu Khoa học - Kỹ thuật đạt kết quả tốt.

Tổ chức nghiêm túc, an toàn, đúng quy chế kỳ thi tốt nghiệp THPT 2012 - 2013. Không có trường hợp cán bộ coi thi, học sinh vi phạm quy chế bị xử lý kỷ luật. Kết quả tốt nghiệp THPT đạt 95,61%, GDTX là 70,75%, có 06 trường đạt tỉ lệ tốt nghiệp 100%.

Giáo dục thường xuyên tổ chức thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ của ngành học. Tiếp tục liên kết với các trường Đại học, Cao đẳng, TCCN tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, đáp ứng nhu cầu người học. Duy trì vững chắc kết quả phổ cập GDTH&ĐT, GDTHCS cho 100% số xã, từng bước nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục.

Giáo dục chuyên nghiệp tăng cường công tác quản lý đối với các trường chuyên nghiệp trên địa bàn; tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy chế, Điều lệ và các văn bản pháp quy về đào tạo TCCN. Tổ chức tốt các lớp bồi dưỡng thường xuyên và theo chuyên đề cho CBQL và giáo viên; làm tốt công tác tuyển sinh Đại học, Cao đẳng, TCCN năm 2013.

Giáo dục dân tộc thường xuyên được chú trọng và quan tâm thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với học sinh người dân tộc; đổi mới công tác tuyển sinh vào trường PTDTNT tỉnh, huyện; thực hiện đúng chế độ cử tuyển, chính sách đối với cán bộ, giáo viên và học sinh các trường DTNT. Triển khai Đề án củng cố các trường PTDTNT và xây dựng trường PTDT bán trú. Đã xoá được xã trống về giáo dục mầm non; tăng cường bồi dưỡng Tiếng Việt cho học sinh dân tộc.

Công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia tiếp tục được đẩy mạnh cả về số lượng và chất lượng¹². Ngành học mầm non đến nay có 54/162 trường (33,3%); cấp tiểu học có 142/166 trường (chiếm 85,6%); cấp THCS có 42/129 trường (chiếm 32,6%); cấp THPT 03/33 trường được công nhận Trường chuẩn quốc gia (đây là cấp học gặp nhiều khó khăn nhất trong xây dựng trường chuẩn quốc gia, chủ yếu do điều kiện về đất đai, cơ sở vật chất ...)

Tích cực huy động nhiều nguồn lực để tăng cường các điều kiện phục vụ dạy và học, trong năm đã đưa vào sử dụng 22 phòng học kiên cố, đưa tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 69%.

2. Văn hóa - Thể thao - Du lịch

Nhiều hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao kỷ niệm các ngày lễ lớn đã được tổ chức sôi nổi: Chào mừng Đảng Cộng sản Việt Nam tròn 83 tuổi (03/02/1930 - 03/02/2013), mừng Xuân Quý Tỵ 2013; Kỷ niệm 38 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước; kỷ niệm 45 năm ngày chiến thắng Khe Sanh, giải phóng huyện Hướng hóa; Hội thảo “Quảng Trị - Đất dựng nghiệp của chúa Nguyễn Hoàng” nhân kỷ niệm 455 năm Chúa Nguyễn Hoàng dựng đô khởi nghiệp tại Triệu Phong; Lễ phát động hưởng ứng “Năm Gia đình Việt Nam năm 2013” và tuyên dương các Đơn vị văn hóa xuất sắc năm 2012; Liên hoan nghệ thuật chuyên nghiệp quốc tế Việt Nam - Campuchia - Lào - Myanma; Kỷ niệm 40 năm Chủ tịch Cu ba Fidel Castro đến thăm vùng giải phóng miền Nam (1973-2013); Tham gia tuần lễ “Đại đoàn kết các dân tộc – Di sản Văn hóa Việt Nam;

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, xây dựng văn minh đô thị và công tác gia đình của tỉnh đạt được những kết quả đáng khích lệ. Nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội được nhân dân đồng tình hưởng ứng và thực hiện tốt.

Công tác bảo tồn và phát huy các di sản đặc biệt được quan tâm. Đã hoàn thành đề án xây dựng hồ sơ 2 di tích quốc gia đặc biệt: Di tích lịch sử Đồi bờ Hiền Lương – Bến Hải, Di tích lịch sử Thành Cổ Quảng Trị và những địa điểm lưu niệm sự kiện 81 ngày đêm năm 1972 trình Bộ VHTTDL; Trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 17/2013/NQ-HĐND về đầu tư, bảo tồn, tôn tạo, chống xuống cấp hệ thống di tích lịch sử văn hóa tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2013 – 2020.

Việc quản lý các hoạt động quảng cáo, lễ hội, biểu diễn nghệ thuật, các hoạt động văn hóa khác đã được tăng cường. Công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm, cấp phép tiếp tục được quan tâm chỉ đạo.

Phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” được triển khai thực hiện tốt. Tỷ lệ người tham gia tập luyện TDTT thường xuyên đạt 26,5%. Duy trì luyện tập thường xuyên các lớp năng khiếu, đội tuyển tỉnh và đội tuyển trẻ. Đến tháng 11 năm 2013, thể thao thành tích cao tham gia thi đấu các giải cấp Quốc gia đạt được 83 huy chương (21 HCV, 31 HCB, 31 HCD); tham

¹² Số liệu này chưa tính đến một số diện tích đã trồng mới trong năm 2013

gia Đại hội TDTT Người khuyết tật trẻ Châu Á tại Malaysia đạt 4 huy chương (2 HCV, 2 HCB)...; Đại hội Thể dục Thể thao cấp cơ sở triển khai đúng kế hoạch, cấp tỉnh đã tổ chức thi đấu 07 môn trong khuôn khổ 12 môn thi đấu Đại hội Thể dục Thể thao cấp tỉnh.

Đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá du lịch, tích cực đầu tư xây dựng hạ tầng du lịch gắn với việc thu hút các nhà đầu tư để phát triển hoạt động kinh doanh du lịch. Tăng cường các hoạt động liên doanh, liên kết với các tỉnh miền Trung và các địa phương trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây để phát triển du lịch; tổ chức hoạt động hợp tác phát triển du lịch 3 tỉnh 3 nước Quảng Trị (Việt Nam) – Savannakhet (Lào) – Mukdahan (Thái Lan), hợp tác giữa 3 tỉnh Quảng Trị - Savannakhet – Densavann.

Tổng lượng khách du lịch đến Quảng Trị trong 10 tháng đạt 1.178.492 lượt, đạt 124% kế hoạch, tăng 11% so với cùng kỳ năm 2012; trong đó, khách quốc tế 161.063 lượt, đạt 81% kế hoạch, tăng 13% so với cùng kỳ năm 2012; khách nội địa 1.017.429 lượt, đạt 136% kế hoạch, tăng 7% so với năm 2012. Tổng doanh thu du lịch ước đạt 1.004 tỷ đồng, đạt 118% kế hoạch 2013, tăng 21% so với cùng kỳ năm 2012. Tổng lượng khách du lịch ước thực hiện cả năm là 1.320.000 lượt, tăng 7% so với năm 2012; Ước doanh thu khách sạn, nhà hàng và du lịch lữ hành đạt 1.918 tỷ đồng, tăng 21,2% so với năm 2012.

3. Chăm sóc sức khỏe nhân dân và bảo vệ trẻ em:

Công tác khám, chữa bệnh được quan tâm kịp thời, đạt nhiều kết quả tiến bộ. Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động ở các bệnh viện, chú trọng các quy chế chuyên môn, hồ sơ, bệnh án. Tăng cường chỉ đạo hoạt động điều dưỡng ở các cơ sở điều trị, mở rộng chăm sóc người bệnh toàn diện. Triển khai điều trị nghiện các chất thuốc phiện bằng thuốc thay thế methadone bước đầu đạt kết quả tốt.

Công tác y tế dự phòng được duy trì hiệu quả, tình hình dịch bệnh được kiểm soát chặt chẽ. Trong 10 tháng qua đã ghi nhận 258 trường hợp mắc Sốt xuất huyết, 200 ca bệnh tay chân miệng và một số bệnh đau mắt đỏ, cúm, tiêu chảy, thủy đậu... Hầu hết các loại dịch bệnh đều có số ca mắc giảm so với cùng kỳ năm 2012 và đều được xử lý, khống chế kịp thời, không để lây lan trên diện rộng.

Trên địa bàn tỉnh đã xảy ra những vụ việc đáng tiếc gây hậu quả nghiêm trọng như vụ việc 3 trẻ sơ sinh tử vong sau tiêm vắc xin viêm gan B tại bệnh viện Đa khoa huyện Hướng Hóa ngày 20/7/2013; đã xảy ra 02 vụ ngộ độc thực phẩm lớn (một vụ tại Nhà may xuất khẩu Gilimex – PPJ - Hải Lăng, làm 127 người bị ngộ độc; một vụ tại Thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa làm 382 người phải nhập viện điều trị, nguyên nhân ban đầu được cho là ăn bánh mỳ bị nhiễm khuẩn).

Tỉnh cũng đã tích cực triển khai các đợt thanh tra, kiểm tra chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm tại các huyện, thị xã và thành phố; kiểm tra những nơi cung cấp thực phẩm với số lượng lớn, các cơ sở nhập khẩu thực phẩm, các chợ đầu mối lớn, siêu thị, đại lý cấp 1...

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của HĐND tỉnh về hoàn thiện hệ thống y tế cơ sở và Nghị quyết đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động y tế, khuyến khích phát triển hệ thống y tế ngoài công lập, mở rộng các hình thức chăm sóc sức khoẻ tại cộng đồng dân cư; đưa tỷ lệ trạm y tế xã phường có bác sĩ lên trên 85% năm 2013, xã đạt chuẩn quốc gia về y tế theo chuẩn mới lên 45%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi xuống dưới 15,5%.

Tổ chức Tháng hành động vì trẻ em với chủ đề “Tạo cơ hội bình đẳng cho trẻ em nghèo và trẻ em dân tộc thiểu số”. Mua và cấp thẻ kịp thời cho hơn 97% trẻ em dưới 6 tuổi. Quỹ ‘Bảo trợ trẻ em’ tổ chức chương trình Nối vòng tay nhân ái trao 1.000 suất quà cho các em thiết thời với tổng số tiền trên 400 triệu đồng. Vận động Ngân hàng Công thương Việt Nam, Tổ chức Nhân đạo Hoa Sen hỗ trợ 20 cháu phẫu thuật tim với tổng kinh phí trên 497 triệu đồng...

4. Lao động, việc làm và công tác an sinh xã hội

Triển khai thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm, sử dụng nguồn vốn vay giải quyết việc làm đã giúp cho người lao động tăng thêm thu nhập, từng bước giảm nghèo hiệu quả và bền vững. Thực hiện cho vay 1.000 dự án với tổng vốn cho vay trên 23,5 tỷ đồng tạo việc làm mới cho 1.200 lao động. Tổ chức nhiều sân giao dịch việc làm tạo điều kiện cho lao động nông thôn và thành thị tìm việc. Ước tính số lao động được giải quyết việc làm mới trong năm 10.300 người, đạt 108,42% KH năm; Trong đó, lao động làm việc trong tỉnh 8.357 người, lao động làm việc ngoài tỉnh 957 người, xuất khẩu lao động 986 người (bao gồm cả số lao động đi làm ăn tại Lào). Đã tổ chức tư vấn nghề và việc làm cho 12.000 lượt người. Tỷ lệ lao động qua đào tạo so với tổng số lao động ước 39,2%, đạt kế hoạch đề ra; Trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 29,44%.

Tiếp tục thực hiện tốt cuộc vận động vì người nghèo, xây dựng và sử dụng quỹ vì người đứng mục đích và có ý nghĩa thiết thực. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững đối với huyện Đakrông theo Nghị quyết 30a/NQ-CP của Chính phủ; Đề án giảm nghèo bền vững đối với các xã, thôn bản, vùng sâu vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn có tỷ lệ hộ nghèo cao; Thực hiện hỗ trợ di dân định canh định cư theo Quyết định 33/TTg; hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 755/QĐ-TTg, ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ; hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ (Chương trình 135 -III); chính sách cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012 - 2015 theo Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg ngày 04/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ; chính sách hỗ trợ gạo cho học sinh tại các trường ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 36/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định 18/2011/QĐ-TTg... Tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh giảm từ 13,66% năm 2012 xuống

còn 11,56% năm 2013, giảm 2,1%; số xã nghèo (có tỷ lệ hộ nghèo trên 25%) có 32 xã, chiếm tỷ lệ 22,7%.

Công tác cứu trợ đột xuất, cứu trợ thường xuyên được thực hiện đúng đối tượng, đúng mục đích, góp phần ổn định cuộc sống cho các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, nhất là hỗ trợ nhân dân khắc phục hậu quả sau thiên tai. Đã phân bổ 3.270 tấn gạo của Chính phủ hỗ trợ cứu trợ cho 25.479 hộ (85.085 nhân khẩu) trên địa bàn tỉnh trong dịp Tết Nguyên đán Quý Tỵ và thời kỳ giáp hạt năm 2013. Vận động các tổ chức, cá nhân hảo tâm thăm và tặng 12.587 suất quà cho hộ nghèo và đối tượng chính sách xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, với tổng trị giá trên 5,49 tỷ đồng dịp Tết Nguyên đán Quý Tỵ. Phối hợp với UBMT TQVN tỉnh, Hội Chữ Thập đỏ và các đoàn thể chính trị xã hội tổ chức cứu trợ cho nhân dân vùng bị thiên tai do bão số 10 và bão số 11 với số tiền 16.373 tỷ đồng.

Triển khai kịp thời các chính sách, chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng mới được ban hành năm 2013 và thực hiện tốt việc chăm lo, nâng cao đời sống cho các gia đình chính sách và đối tượng chính sách. Đã giải quyết chính sách ưu đãi người có công cho trên 800 trường hợp. Triển khai xây dựng trên 100 nhà tình nghĩa; Hoàn thành chương trình hỗ trợ nhà ở cho đối tượng nghèo có nhà ở tạm bợ bằng nguồn vốn hỗ trợ của Chính phủ và huy động quỹ vì người nghèo tại UBMT TQVN các cấp (giai đoạn 1); Tổ chức điều dưỡng tập trung cho trên 1.000 người có công. Triển khai thực hiện Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở. Tiếp tục đầu tư nâng cấp Nghĩa trang Đường 9, một số nghĩa trang ở các địa phương và các công trình đền ơn đáp nghĩa khác để phục vụ cho người dân trong và ngoài tỉnh tổ chức dâng hương, hoa tri ân các anh hùng liệt sỹ.

5. Thông tin - Truyền thông

Trong năm 2013, công tác thông tin tuyên truyền trên sóng phát thanh, truyền hình và trang thông tin điện tử về các hoạt động, sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng được đẩy mạnh. Triển khai quy hoạch phát triển ngành xuất bản, in, phát hành giai đoạn 2011-2020. Thực hiện tuyên truyền, phổ biến kiến thức sử dụng thiết bị thông tin liên lạc cho tàu, thuyền đánh bắt hải sản và nhân viên phục trách vô tuyến điện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Thực hiện thí điểm nhấn tin cảnh báo thiên tai, bão, lũ đến chính quyền các cấp từ tỉnh đến thôn bản trong năm 2013 qua hệ thống tổng đài của các doanh nghiệp viễn thông. Công tác quản lý, giám sát việc đăng ký thuê bao trả trước được tăng cường nhằm giảm thiểu tin nhắn quảng cáo, tin nhắn rác. Công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra các hoạt động báo chí, xuất bản trên địa bàn được tăng cường, nhất là đối với các điểm diễn ra lễ hội, các quầy hàng bán đồ lưu niệm, các địa điểm hoạt động liên quan đến báo chí, xuất bản tại cơ sở. Thường xuyên theo dõi việc chấp hành pháp luật của một số Trang thông tin điện tử của các tổ chức, cá nhân đang hoạt động trên địa bàn tỉnh.

Đến nay, toàn tỉnh có 163 điểm cung cấp dịch vụ bưu chính; 486.659 thuê bao, đạt mật độ 79 thuê bao/100 dân; thuê bao Internet ADSL là 24.971, đạt mật độ 4,1 thuê bao/100 dân; Tổng số trạm thu phát sóng điện thoại di động (BTS) đang hoạt động trên địa bàn tỉnh là 1.176 trạm. Đài PT-TH Quảng Trị phát chương trình truyền hình QTV qua mạng Truyền hình Cáp Việt Nam tại 22 tỉnh, thành trong nước.

6. Khoa học – Công nghệ

Các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từng bước được triển khai nhân rộng phục vụ sản xuất và đời sống. Đặc biệt là việc cải tạo, nâng cấp các giống cây trồng, vật nuôi, khảo nghiệm tuyển chọn giống mới, áp dụng các biện pháp thâm canh hiện đại nâng cao năng suất, chất lượng; ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý nhà nước tại các huyện, xây dựng mô hình cung cấp thông tin KH&CN phục vụ nông thôn.

Được sự quan tâm hỗ trợ của Bộ KH&CN, tỉnh Quảng Trị tham gia triển khai thực hiện 06 dự án thuộc Chương trình nông thôn miền núi. Chương trình "Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020" đã đạt được kết quả tốt. Chương trình đã hỗ trợ kịp thời cho các doanh nghiệp về năng suất, chất lượng, hội nhập, tạo tiền đề cho các doanh nghiệp nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến công nghệ, thiết bị, xây dựng thương hiệu, quảng bá hình ảnh của mình, hình thành và phát triển phong trào năng suất và chất lượng trên địa bàn tỉnh.

Đến nay trên địa bàn tỉnh đã có 44 cơ quan hành chính áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008. Đã triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ "Điều tra, đánh giá tổng hợp các điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, môi trường, kinh tế - xã hội và xây dựng cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững tỉnh Salavan, nước CHDCND Lào" thuộc Nghị định thư với nước CHDCND Lào.

7. Tài nguyên - Môi trường

Công tác giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cơ bản đảm bảo quy định; đã hoàn thành công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu theo tinh thần Nghị quyết số 30/2012/QH13 của Quốc hội; Đã hoàn thành công tác đo đạc lập bản đồ, chỉnh lý biến động, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính thị xã Quảng Trị và tiếp tục chỉ đạo thực hiện ở các huyện: Triệu Phong, Cam Lộ, Gio Linh, Vĩnh Linh, Đakrông, Hướng Hóa.

Công tác quản lý tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tiếp tục được thực hiện theo quy hoạch và quy định của pháp luật¹³. Các ngành, các cấp đã triển khai thực hiện chương trình hành động của Tỉnh ủy về chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng. Tăng cường kiểm tra và xử lý vi phạm đối với các đối tượng khai thác khoáng sản trái phép; Tổ chức khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; Khoanh định khu vực

¹³ Đã cấp 04 giấy phép thăm dò, 02 giấy phép khai thác khoáng sản, 07 hồ sơ phê duyệt trữ lượng, 05 hồ sơ khai thác, sử dụng nước mặt, 07 hồ sơ xả nước thải vào nguồn nước...

có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ; khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản; Lập Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

Công tác tuyên truyền bảo vệ môi trường đã được triển khai với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Đã tổ chức thiết thực, hiệu quả các hoạt động hưởng ứng “Ngày Đại dương thế giới”; “Tuần lễ biển, hải đảo Việt Nam”; “Ngày môi trường thế giới”, “Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn năm 2013”. Công tác xã hội hoá bảo vệ môi trường đã đạt được những kết quả nhất định. Nhiều mô hình, câu lạc bộ, tổ tự quản bảo vệ môi trường đã được thành lập ở các thôn, bản, làng.

Đã tăng cường công tác quản lý chất thải, phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường từ tỉnh đến huyện. Công tác thẩm định Báo cáo Đánh giá tác động môi trường, Đề án Bảo vệ môi trường, Dự án cải tạo phục hồi môi trường được tiến hành nghiêm túc, đúng qui định. Chất lượng môi trường được quan trắc, giám sát theo mạng lưới Quy hoạch. Đã hoàn thành việc xây dựng các Kế hoạch: Hành động khắc phục cơ bản hậu quả chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020; Hành động thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2013-2015; Quản lý chất thải y tế giai đoạn 2013-2015; Hành động đa dạng sinh học tỉnh Quảng Trị đến năm 2015, định hướng đến năm 2020. Công tác thanh tra, kiểm tra tình hình chấp hành pháp luật môi trường, khai thác khoáng sản, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo được triển khai nghiêm túc

Công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ về môi trường đã tranh thủ được sự hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế như Cơ quan Môi trường Hàn Quốc (KOICA), Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA), Quỹ Môi trường toàn cầu.

8. Ảnh hưởng của thiên tai

Năm 2013, bão và áp thấp nhiệt đới (ATNĐ) xuất hiện sớm. Ngay đầu tháng 01/2013 đã xuất hiện bão, tính đến nay (19/11/2013) đã có 15 cơn bão và 05 ATNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông. Trong đó, địa bàn tỉnh Quảng Trị chịu ảnh hưởng của 06 cơn bão và 01 ATNĐ. Đặc biệt bão số 10 và bão số 11 gây thiệt hại lớn về người, tài sản của của nhân dân và Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh đã xuất hiện 07 đợt lốc, dông sét, mưa đá gây thiệt hại tài sản và sản xuất nông nghiệp

Về thiệt hại: Đã làm chết 01 người (do sét đánh đợt lốc, dông sét ngày 01/7/2013); bị thương 69 người; 32 Nhà bị sập; 17.642 nhà bị tốc mái, hư hỏng; 3.610,5 ha lúa và 8.719,4 ha cây công nghiệp dài ngày bị thiệt hại; trong đó: Cao su bị gãy đổ: 7.735,4 ha; Hồ tiêu: 984 ha; Cà phê: 85 ha. Rừng trồng tập trung bị thiệt hại: 13.968 ha; Rừng trồng phân tán bị gãy: 37.600 cây. Cây xanh đô thị, cây bóng mát bị thiệt hại: 38.485 cây. Và nhiều thiệt hại về các công trình hạ tầng như đê điều, kênh mương, đường, cầu, cột điện, trường học, trạm y tế ...

Ước tổng giá trị thiệt hại do thiên tai gây ra trong năm 2013 (tính đến ngày 19.11.2013) là: 2.662,6 tỷ đồng (Bão số 10, 11: 2.588,6 tỷ đồng; Bão số 8: 70 tỷ đồng; Lốc xoáy: 04 tỷ đồng)

III. XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN VÀ THỰC THI PHÁP LUẬT.

1. Công tác tổ chức, xây dựng Chính quyền và cải cách hành chính

Công tác xây dựng, củng cố chính quyền và tổ chức bộ máy các cấp có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ CB, CC, VC được chú trọng. Các hoạt động tôn giáo trên địa bàn ổn định, không có vụ việc phức tạp.

Tổ chức bộ máy các cấp được thành lập, củng cố và kiện toàn đáp ứng ngày càng cao yêu cầu nhiệm vụ quản lý, điều hành¹⁴. Triển khai thực hiện Nghị định 36/2013/NĐ-CP và Nghị định 41/2012/NĐ-CP về vị trí làm việc và cơ cấu ngạch công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; kế hoạch đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức tình giai đoạn 2013-2015 theo Quyết định số 1557/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Tổ chức 14 lớp đào tạo, bồi dưỡng cho 1.540 CBCC, VC cấp tỉnh, huyện, xã và 6 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ theo chức danh đối với 381 cán bộ công chức cấp xã.

Tổ chức tuyên truyền kế hoạch về cải cách hành chính nhà nước năm 2013, triển khai nhân rộng mô hình cơ chế "một cửa", "một cửa liên thông" hiện đại tại UBND cấp huyện; xây dựng tiêu chí đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh. Công tác địa giới hành chính được tăng cường, đã tiến hành điều chỉnh phân loại đơn vị hành chính đối với 6 xã, phường, thị trấn và hoàn thành việc phân loại thôn, bản, khu phố trên địa bàn theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

Phong trào thi đua được phát động và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Tỉnh đã tổ chức trao thưởng các danh hiệu thi đua, Huân chương Độc lập, Huân chương Lao động cho các cá nhân có quá trình cống hiến lâu dài và trao thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2012. Công tác văn thư, lưu trữ được quan tâm và ngày càng nâng cao chất lượng.

Nhằm thống nhất quản lý các hoạt động đối ngoại, UBND tỉnh đã ban hành Quy chế quản lý kèm theo Quyết định số 16/2013/QĐ-UB ngày 20/6/2013 của UBND tỉnh.

2. Hoạt động tư pháp:

Các hoạt động trong lĩnh vực tư pháp như: xây dựng, thẩm định, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật¹⁵; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; trợ giúp pháp lý; hành chính tư pháp; hỗ trợ tư pháp được quan tâm nâng cao chất lượng.

¹⁴ Thành lập Chi cục Biển, Hải đảo và khí tượng thủy văn thuộc Sở TN&MT; Phòng Công chứng số 2, Phòng bảo trợ tư pháp thuộc Sở Tư pháp; TT phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai thuộc Chi cục Thủy lợi và phòng chống lụt bão; BCD tái cơ cấu kinh tế gắn với mô hình tăng trưởng kinh tế; BCD đẩy mạnh chế độ công vụ, công chức. Kiện toàn các BCD: Chống buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại; Biển Đông - Hải đảo, Vận động hiến máu tình nguyện, ATGT.

¹⁵ Trong năm, đã kiểm tra và tự kiểm tra 65 văn bản quy phạm pháp luật, phát hiện và kịp thời xử lý 16 văn bản có dấu hiệu trái pháp luật

Đã thẩm định về mặt pháp lý 41 văn bản, góp ý 51 văn bản quy phạm pháp luật; kiểm tra, tự kiểm tra 65 văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND cấp tỉnh và huyện ban hành, tổ chức kiểm tra công tác ban hành văn bản của các xã, phường, thị trấn. Tiến hành rà soát các văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh ban hành trong thời gian từ 01/01/2010 đến 31/12/2012 và lập danh mục, quyết định công bố các danh mục văn bản còn hiệu lực, hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần, văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ và ban hành mới với tổng số 444 văn bản (trong đó có 62 Nghị quyết, 343 Quyết định và 39 Chỉ thị).

Thực hiện tốt việc tổ chức lấy ý kiến các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân vào Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992, bảo đảm chất lượng, đúng thời hạn và tiết kiệm chi phí. Tăng cường công tác kiểm soát TTHC trong quá trình xây dựng, thẩm định ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Chuyển giao công tác kiểm soát TTHC từ Văn phòng UBND tỉnh sang Sở Tư pháp, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được quan tâm, trong đó đã chú trọng phổ biến Luật Thanh tra, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo...Tiếp tục thực hiện có chất lượng 26 chuyên mục “Pháp luật và Đời sống” trên sóng phát thanh - truyền hình tỉnh.

Công tác trợ giúp pháp lý được chú trọng, tiến hành 38 cuộc khảo sát nhu cầu trợ giúp pháp lý, triển khai 79 đợt trợ giúp pháp lý lưu động. Qua các đợt trợ giúp pháp lý đã kết hợp tuyên truyền phổ biến pháp luật và đã tiếp nhận, tư vấn, giải đáp cho 2.303 yêu cầu của người dân. Thực hiện 248 phiên bán đấu giá tài sản với tổng giá trị bán được là 142,4 tỷ đồng. Thực hiện 4.692 trường hợp công chứng và 5.779 trường hợp chứng nhận hợp đồng, với tổng số phí thu được 2,87 tỷ đồng. Tiến hành 402 vụ việc giám định tư pháp, tăng 50 vụ so với cùng kỳ năm 2012.

3. Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm và chống lãng phí.

Hoạt động thanh tra đã góp phần tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong công tác quản lý nhà nước, giữ vững ổn định tình hình và củng cố niềm tin của quần chúng nhân dân. Tính đến nay, Thanh tra các cấp đã tiến hành 147 cuộc thanh tra, kiểm tra tại 1.415 đơn vị, tổ chức, cá nhân, trong đó có 989 đơn vị, cá nhân, tổ chức có sai phạm, phát hiện sai phạm 9.209,398 triệu đồng, kiến nghị thu hồi 6.939,186 triệu đồng. Các cấp chính quyền đã tiếp 961/1.152 lượt người đến trụ sở tiếp dân để khiếu nại, kiến nghị, phản ánh, tăng 2,94% số lượt và 16,2% về số người so với cùng kỳ năm 2012 nhưng chưa có biểu hiện phức tạp, phát sinh điểm nóng; tiếp nhận 580 đơn thư khiếu nại, tố cáo và kiến nghị phản ánh, tăng 26,2% so với cùng kỳ năm 2012. Công tác tiếp nhận, xử lý và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân đã có chuyển biến tích cực.

Công tác phòng chống tham nhũng tiếp tục được quan tâm, đến nay đã triển khai được 3 cuộc thanh tra chấp hành pháp luật PCTN, phát hiện và kiến nghị thu hồi trên 126,215 triệu đồng. Công tác tập huấn, tuyên truyền Luật phòng, chống tham nhũng sửa đổi, bổ sung; các văn bản của Đảng và Nhà nước về phòng chống tham nhũng được duy trì thường xuyên. Tập trung chỉ đạo công tác công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, đơn vị, tổ chức; xây dựng và thực

hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn; thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp; chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu; cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán...

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP); Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 06/12/2012 của Chính phủ; Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 26/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Bộ Tài chính về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Đã tổ chức 02 lớp tập huấn cho 300 học viên là cán bộ, công chức thuộc các Sở, ban ngành cấp tỉnh, các doanh nghiệp; UBND các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường thị trấn với nội dung tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các quy định của pháp luật về THTK, CLP, nâng cao hiệu quả thực hiện THTK, CLP tại mỗi cơ quan, đơn vị trong tình hình mới; Đã chỉ đạo các Sở, Ban ngành, Đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong xây dựng dự toán ngân sách 2013; tính đúng khoản tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương hàng năm theo quy định; tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên lần 2 theo chỉ đạo của Bộ tài chính

Một số kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí như sau:

- Năm 2013, việc mua sắm, sửa chữa từ nguồn NSNN giảm 4.339 triệu đồng

- Thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP năm 2012: Số biên chế tiết kiệm được: 156 người; Số kinh phí tiết kiệm được: 8.318 triệu đồng

- Thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP năm 2012: Số kinh phí tiết kiệm được: 73.134 triệu đồng

- Tổng mức đầu tư đã phê duyệt: 1.227.027 triệu đồng; Tổng mức đầu tư sau rà soát: 741.185 triệu đồng, tiết kiệm (cắt giảm, giãn tiến độ) 485.842 triệu đồng.

- Tiết kiệm qua đấu thầu: 1.044 triệu đồng.

IV. QUỐC PHÒNG, AN NINH

Công tác quốc phòng và an ninh tiếp tục được coi trọng; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân được xây dựng ngày càng vững chắc; gắn kết chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng - an ninh.

Các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực Quốc phòng - An ninh được quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc. Đã chú trọng việc tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm và đề ra các biện pháp phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh. Các lực lượng vũ trang trong toàn tỉnh đã phát huy vai trò nòng cốt trong công tác phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội; tích cực, chủ động tham gia thực hiện có hiệu quả trong công tác phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn và chống buôn lậu.

Công tác bảo vệ an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đặc biệt tại các khu vực trọng điểm, vùng biên giới và hải đảo đã được tăng cường. Tiếp tục thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; chủ động ngăn chặn mọi âm mưu hoạt động chống phá của các thế lực thù địch. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm tiếp tục được chỉ đạo quyết liệt. Triển khai hiệu quả Pháp lệnh Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. Tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn trên địa bàn tỉnh. Đã tổ chức các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm bảo vệ Tết Nguyên đán Quý Tỵ năm 2013, đấu tranh, xử lý các loại tội phạm có tổ chức, tội phạm hoạt động theo kiểu xã hội đen, cố ý gây thương tích, trộm tài sản, đánh bạc¹⁶. Trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực, tai nạn giao thông giảm trên cả 3 mặt: số vụ, số người chết và số người bị thương¹⁷.

V. NHỮNG KẾT QUẢ NỔI BẬT, KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ

1. Những kết quả nổi bật

- Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh đã có những dấu hiệu phục hồi, sức mua đang dần được cải thiện, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng 16,4% so với thực hiện năm 2012.

- Công tác xây dựng Nông thôn mới đạt nhiều kết quả tích cực, đã hoàn thành phê duyệt quy hoạch nông thôn mới cho 100% số xã; toàn tỉnh có thêm 20 xã số xã đạt từ 10 - 15 tiêu chí so với năm 2012.

- Công tác an sinh xã hội: Mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng tỉnh không ngừng quan tâm, chăm lo cho các đối tượng chính sách, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, nhân dân các vùng khó khăn, góp phần ổn định đời sống nhân dân.

- Công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh được đổi mới tích cực theo hướng linh hoạt, nhạy bén, quyết liệt, kịp thời và có hiệu quả, đặc biệt là những giải pháp chủ yếu về chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2013, về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ, về tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh; huy động nhiều dự án ODA có mức vốn lớn... Do đó, đã từng bước khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kiềm chế chỉ số tăng giá, cải thiện điều kiện sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ các doanh nghiệp đang gặp khó khăn từng bước phục hồi.

- Quốc phòng - an ninh tiếp tục được quan tâm xây dựng, củng cố, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định; công tác bảo đảm an toàn giao thông có nhiều chuyển biến tích cực, tai nạn giao thông giảm cả về số vụ, số người chết và số người bị thương.

¹⁶Đã điều tra khám phá gần 38 vụ/838 đối tượng phạm về trật tự xã hội, phát hiện, xử lý 305 vụ/263 đối tượng vi phạm về trật tự kinh tế; phát hiện và bắt giữ 32 vụ/44 đối tượng phạm tội ma túy; phát hiện, xử lý 126 vụ/130 đối tượng vi phạm lĩnh vực bảo vệ môi trường.

¹⁷ Trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 258 vụ tai nạn giao thông làm chết 121 người và bị thương 260 người. So với cùng kỳ năm trước số vụ giảm 37 vụ, số người chết giảm 5 người, số người bị thương giảm 67 người.

2. Khó khăn, hạn chế, khuyết điểm

- Còn 03 chỉ tiêu quan trọng là tốc độ tăng GDP, sản lượng thủy hải sản và tỷ lệ giảm hộ nghèo đạt còn thấp so với kế hoạch đề ra.

- Mặc dù lãi suất ngân hàng đã giảm nhưng khả năng hấp thụ vốn của doanh nghiệp còn thấp, dư nợ tín dụng tăng chậm. Sản xuất, kinh doanh phục hồi chậm làm ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách trên địa bàn;

- Hầu hết các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ, trình độ công nghệ thấp; tính hỗ trợ, liên kết, hợp tác chưa cao; sức cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ còn thấp. Một số doanh nghiệp do thiếu vốn nên hoạt động cầm chừng.

- Công tác giải phóng mặt bằng một số dự án gặp nhiều khó khăn nhưng giải quyết thiếu đồng bộ và nhất quán dẫn đến làm chậm tiến độ xây dựng công trình.

- Một số vấn đề xã hội còn khó khăn, bất cập, nhất là tình trạng thiếu việc làm của lực lượng học sinh, sinh viên mới ra trường, chất lượng nguồn nhân lực còn thấp, khoa học - công nghệ chưa trở thành động lực thúc đẩy sự phát triển của tỉnh. Công tác xóa đói giảm nghèo thiếu bền vững, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, mức giảm tỉ lệ giảm nghèo chưa đạt kế hoạch đề ra. Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân nhiều mặt còn hạn chế, đã để xảy ra một số vụ việc gây bức xúc dư luận. Đời sống dân cư ở một số vùng nông thôn và miền núi còn khó khăn...

VI. ƯỚC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2013

Từ những kết quả đạt được trong 10 tháng đầu năm và với quyết tâm tiếp tục phấn đấu thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm đã đề ra; dự báo khả năng thực hiện 21 chỉ tiêu KT-XH chủ yếu năm 2013 đã đề ra trong Nghị quyết số 20/2012/NQ-HĐND ngày 19/12/2012 về nhiệm vụ phát triển KT-XH năm 2013 của HĐND tỉnh như sau:

- Có 13/21 chỉ tiêu đạt hoặc vượt kế hoạch đề ra, đó là: GDP bình quân đầu người; tổng chi ngân sách địa phương; kim ngạch xuất khẩu; kim ngạch nhập khẩu, sản lượng lương thực có hạt; diện tích trồng mới cây công nghiệp dài ngày; trồng mới rừng tập trung; hệ thống thủy lợi của 30 xã điểm xây dựng NTM của tỉnh và huyện cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất (nạo vét, kiên cố hóa và xây dựng kênh mương mới); tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập THCS; tạo việc làm mới; tỷ lệ lao động qua đào tạo; giảm tỷ suất sinh bình quân trong năm và tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng.

- Có 5/21 chỉ tiêu xấp xỉ đạt so với kế hoạch đề ra, đó là: huy động tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội; tổng thu ngân sách trên địa bàn; tỷ lệ độ che phủ rừng; tỷ lệ dân cư thành thị sử dụng nước sạch và tỷ lệ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh.

- Có 3/21 chỉ tiêu có khả năng đạt thấp so với kế hoạch đề ra, đó là: tốc độ tăng trưởng kinh tế; sản lượng thủy hải sản; giảm tỷ lệ hộ nghèo...

(Chi tiết xem phụ lục kèm theo).

* Một số chỉ tiêu chưa đạt hoặc chỉ đạt xấp xỉ kế hoạch đề ra do nguyên nhân tình hình cả nước tiếp tục gặp khó khăn, tiềm lực nội tỉnh thấp, nguồn vốn đầu tư của nhà nước giảm đáng kể, nguồn vốn đối ứng địa phương gặp khó khăn; môi trường kinh doanh còn nhiều bất cập, thu hút đầu tư từ các thành phần kinh tế bị chững lại; thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp; Biến đổi khí hậu đã gây ra các hiện tượng thời tiết cực đoan, liên tiếp 2 cơn bão số 10 và 11 xảy ra đã làm thiệt hại nặng nề, lâu dài đến kết cấu hạ tầng, trồng cây công nghiệp dài ngày, nhất là cao su.

Với những khó khăn đó, đạt được kết quả trên là sự nỗ lực lớn của cả hệ thống chính trị và nhân dân trong tỉnh, cần được tiếp tục phát huy.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2014

Năm 2014 có vị trí hết sức quan trọng. Bên cạnh nhiều thuận lợi cơ bản thì tình hình kinh tế trong nước và của tỉnh vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, đó là: Biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp, khó lường; hậu quả thiên tai trong năm 2013 để lại còn nặng nề, lâu dài; Chính phủ tiếp tục thực hiện chính sách kiềm chế lạm phát, quản lý chặt chẽ ngân sách đầu tư; Thực hiện các chính sách miễn, giảm và giãn thuế ảnh hưởng nhiều đến thu ngân sách trên địa bàn; giá cả thị trường không ổn định, nhất là hàng nông sản; lao động thiếu việc làm còn nhiều... Do đó, đòi hỏi các cấp, các ngành và cộng đồng doanh nghiệp, dân cư cần có sự đồng thuận và quyết tâm cao, nỗ lực phấn đấu thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

I. Mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu:

1. Mục tiêu tổng quát:

Huy động mọi nguồn lực để thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt trên 7%. Từng bước thực hiện tái cơ cấu kinh tế. Đảm bảo an sinh và các phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống của nhân dân. Quản lý, bảo vệ và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, nhằm phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường, chủ động phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội. Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

2. Các chỉ tiêu cụ thể:

2.1. Các chỉ tiêu kinh tế:

- Phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế (theo GDP) đạt trên 7% so với năm 2013, trong đó: nông lâm ngư nghiệp tăng trên 2%; công nghiệp xây dựng tăng trên 8%; dịch vụ tăng trên 9%.

- GDP bình quân đầu người đạt trên 29 triệu đồng.

- Kim ngạch xuất khẩu đạt 135 triệu USD, tăng 14,2% so với năm 2013.

- Kim ngạch nhập khẩu đạt 160 triệu USD tăng 14,3% so với năm 2013.
- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt trên 8.500 tỷ đồng, tăng hơn 4% so với năm 2013.
- Tổng thu ngân sách trên địa bàn 1.615,62 tỷ đồng; tăng 6,8% so với dự toán Trung ương giao, bằng 98,9 % so với ước thực hiện năm 2013 và bằng 94,5% so với dự toán ĐP năm 2013. Trong đó: thu nội địa (không kể khoản thu tiền sử dụng đất 154 tỷ đồng): 875,62 tỷ đồng (tăng 16,9% so với ước thực hiện 2013), thu XNK 586 tỷ đồng (tăng 2,8% so với ước thực hiện năm 2013)
- Tổng chi ngân sách địa phương: 5.015,472 tỷ đồng.
- Sản lượng lương thực có hạt 23,5 vạn tấn.
- Trồng mới rừng tập trung: 5.500 ha.
- Trồng mới cây công nghiệp dài ngày 1.000 ha (trong đó cà phê: 150 ha, cao su: 700 ha và hồ tiêu: 150 ha).
- Sản lượng thủy hải sản: 26.000 tấn.
- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ: 20.500 tỷ đồng, tăng 15% so với ước thực hiện năm 2013.

2.2. Các chỉ tiêu xã hội:

- Giữ vững chuẩn phổ cập THCS tại 100% xã, phường, thị trấn; đẩy mạnh phổ cập bậc trung học và hoàn thành phổ cập mầm non 5 tuổi trên địa bàn.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 41%; trong đó đào tạo nghề là 31%.
- Tạo việc làm mới cho trên 9.500 lao động.
- Mức giảm tỷ lệ sinh trên 0,5‰.
- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo 2,5% - 3% so với năm 2013.
- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng xuống dưới 15,5%.

2.3. Các chỉ tiêu môi trường:

- Tỷ lệ độ che phủ rừng đến cuối năm đạt 48,3%.
- Tỷ lệ dân cư thành thị sử dụng nước sạch 85%, tăng 0,8% so với năm 2013.
- Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh 87,2%, tăng 1,6% so với năm 2013.

II. Nhiệm vụ phát triển các ngành, lĩnh vực:

1. Phát triển Nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới:

Tập trung chỉ đạo duy tu bảo dưỡng các công trình thủy lợi đảm bảo an toàn hồ chứa. Xây dựng kế hoạch tưới hợp lý đảm bảo tưới tiết kiệm nước, xây dựng các phương án chống hạn, chống lũ tiểu mãn, lũ sớm đầu vụ Đông - Xuân; đảm bảo diện tích tưới, tiêu chủ động vụ Đông - Xuân là 20.500 ha, vụ Hè thu 18.800 ha. Từng bước xây dựng mô hình cánh đồng mẫu lớn, sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao, tạo sự chuyển dịch trong cơ cấu giá trị cây lương thực. Phân đầu mở

rộng diện tích lúa chất lượng cao lên trên 12.000 ha. Mở rộng diện tích ngô, xây dựng vùng trồng lạc tập trung, mở rộng diện tích sản xuất giống lạc Hà - Thu; Phát triển mạnh sản xuất rau sạch, an toàn thực phẩm.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị Quyết của HĐND Tỉnh về phát triển một số giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản chủ lực trên địa bàn, cơ chế chính sách đầu tư phát triển kinh tế trang trại, gia trại. Tập trung thực hiện các biện pháp thâm canh đồng bộ, chú ý làm tốt công tác diệt chuột, phòng trừ dịch bệnh, trên cây trồng và vật nuôi.

Nghiên cứu giải pháp nhằm hạn chế thiệt hại do bão gây ra đối với cây cao su. Thực hiện phục hồi và trồng mới cây hồ tiêu, ổn định diện tích và tái canh cây cà phê. Chú trọng đến khâu thu hoạch và chế biến sản phẩm nhằm nâng cao giá trị gia tăng trên đơn vị diện tích.

Phát triển chăn nuôi tập trung theo hướng thâm canh bán công nghiệp - công nghiệp, dành một phần diện tích trồng cỏ nuôi bò (nhóm bò Zebu), đẩy nhanh tốc độ lai tạo đàn bò, lợn theo hướng nạc hoá, an toàn dịch bệnh gắn với phát triển giết mổ, chế biến tập trung.

Tiếp tục theo dõi sát tình hình các loại dịch bệnh ở gia súc, gia cầm, triển khai các biện pháp phòng trừ, hướng dẫn các hộ chăn nuôi thực hiện nghiêm túc các quy định phòng chống dịch. Chỉ đạo tích cực công tác tiêm phòng đảm bảo tỷ lệ an toàn dịch. Hoàn thành quy hoạch các cơ sở giết mổ tập trung, đảm bảo sản phẩm sạch cho tiêu dùng.

Thực hiện chủ trương giữ nguyên, không phát triển và không tổ chức đăng ký cho các loại tàu đóng có công suất nhỏ dưới 30cv (theo Thông tư 02/2005/TT-BTS), cấm các loại nghề khai thác mang tính hủy diệt nguồn lợi thủy sản. Khuyến khích đóng mới, nâng cấp, cải hoán tàu cũ có công suất, trọng tải lớn trên 45cv, đảm bảo vươn khơi đánh bắt xa bờ an toàn và hiệu quả. Khuyến khích phát triển đội tàu xa bờ, loại công suất từ 90cv trở lên.

Quy hoạch và phát triển hệ thống giống nuôi thủy sản. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất giống thủy sản.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 19/2012/NQ-HĐND ngày 17/8/2012 về quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020 tỉnh Quảng Trị; Tạo điều kiện đất đai để khuyến khích mạnh mẽ các thành phần kinh tế đẩy mạnh trồng rừng kinh tế theo hướng phát triển rừng công nghiệp, nhất là vùng rừng nguyên liệu cho nhà máy chế biến gỗ ván MDF, mở rộng diện tích rừng trồng được cấp chứng chỉ FSC nhằm nâng cao giá trị từ rừng; chế biến nhựa thông, sản phẩm gỗ gia dụng xuất khẩu. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các Chương trình/Dự án về lâm nghiệp: Dự án phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ (Dự án JICA 2), Chương trình Bảo vệ phát triển rừng,

Đẩy mạnh giao đất, giao rừng; Tiến hành tổng kiểm kê rừng trên phạm vi toàn tỉnh; Tăng cường công tác phòng chống cháy rừng.

Tổ chức thực hiện tốt kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp và chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh. Tăng cường nâng

cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống giảm nhẹ thiên tai, cứu hộ cứu nạn. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng hệ thống đê kè chống sạt lở bờ sông, bờ biển, các khu tái định cư vùng sạt lở, sụt lún, vùng lũ ống, lũ quét nguy hiểm.

Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; Huy động, lồng ghép các nguồn lực đầu tư theo hướng vừa cho xã điểm, vừa cho diện rộng; Nâng cao vai trò làm chủ của người dân theo phương châm dân biết, dân bàn, dân kiểm tra, dân đóng góp và dân hưởng lợi.

Đẩy mạnh thực hiện các chương phát triển nông nghiệp hàng hoá của tỉnh, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, máy móc vào sản xuất... nhằm khai thác có hiệu quả, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của các vùng, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; hướng tới nền sản xuất nông nghiệp hàng hoá. Tăng cường công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn theo Đề án 1956 của Thủ tướng Chính phủ. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện chương trình MTQG NTM đảm bảo hiệu quả, có chất lượng và tuân thủ đúng các quy định quản lý hiện hành. Phấn đấu năm 2014 có 2 xã đạt 18 - 19 tiêu chí; 30 xã đạt trên 10 tiêu chí; các xã còn lại đạt từ 5 tiêu chí nông thôn mới trở lên.

2. Phát triển Công nghiệp - Xây dựng:

Tiếp tục hoàn thiện các quy hoạch ngành: Quy hoạch chung xây dựng Khu Đông Nam Quảng Trị, quy hoạch điện gió đến năm 2020, quy hoạch sử dụng khí đến năm 2020, quy hoạch khai thác và chế biến khoáng sản đến năm 2020; quy hoạch chung xây dựng thị trấn Hướng Phùng, quy hoạch mỏ đất làm vật liệu san lấp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020... để có cơ sở định hướng, chỉ đạo và kêu gọi đầu tư. Tăng cường thu hút đầu tư vào Khu công nghiệp Nam Đông Hà, Quán Ngang, các cụm công nghiệp, đồng thời giám sát chặt chẽ việc sử dụng quỹ đất và việc tuân thủ quy hoạch đã được phê duyệt. Chú trọng công tác quản lý quy hoạch đô thị - nông thôn.

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư để triển khai các dự án trọng điểm như nhà máy nhiệt điện 1.200MW, hạ tầng Khu Đông Nam Quảng Trị, dự án cấp nước sông Nhúng đầu tư theo hình thức PPP, các dự án điện gió tại Hướng Hoá, dự án nhà máy xử lý khí, các dự án chế biến sâu cát trắng... Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án nhà máy chế biến gỗ MDF công suất 120.000 m³/năm của tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt nam.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng KCN Quán Ngang. Khuyến khích, hỗ trợ các huyện, thị xã, thành phố quy hoạch và xây dựng kết cấu hạ tầng các cụm - điểm công nghiệp và khôi phục các làng nghề.

Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án thủy điện nhỏ trên địa bàn tỉnh để sớm đưa vào sử dụng, góp phần giảm áp lực cắt giảm điện. Triển khai dự án đầu tư cấp điện đối với các thôn bản chưa có điện. Hỗ trợ, chỉ đạo triển khai hoàn thành các dự án nâng cấp, mở rộng lưới điện phân phối nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh, đặc biệt là 15 thôn bản của huyện ĐaKrông.

Hỗ trợ và tư vấn cho các doanh nghiệp về phát triển thương mại điện tử, tìm

kiểm thị trường, ứng dụng mô hình mới và tiến bộ KHCN vào sản xuất, ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng quốc tế, đăng ký bảo hộ và khai thác quyền sở hữu công nghiệp...

Thực hiện nghiêm Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng; Nghị định 15/2013/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình. Hoàn thành Chương trình phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến 2030.

3. Phát triển Thương mại - Dịch vụ:

Phát triển mạnh thị trường tiêu thụ nông thôn, tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, đảm bảo hàng hoá lưu thông thuận lợi, đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất và đời sống nhân dân.

Tiếp tục phát triển mạng lưới chợ nông thôn; xây dựng các Trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng miền núi vùng sâu vùng xa. Trong năm 2014 đẩy nhanh tiến độ xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng các chợ Nam Đông, chợ Thị trấn Cửa Việt và Chợ Cửa huyện Cam Lộ.

Tiếp tục triển khai Chương trình xúc tiến thương mại giai đoạn 2011 - 2015. Tổ chức các hoạt động hội thảo, hội chợ, quảng bá thương hiệu cho hàng hóa doanh nghiệp trong tỉnh. Tăng cường kết nối doanh nghiệp vừa và nhỏ trên tuyến Hành lang Đông - Tây.

Tăng cường đấu tranh phòng chống, xử lý nghiêm hoạt động buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại và các vi phạm về giá để ổn định thị trường.

Tiếp tục đầu tư, xây dựng các kết cấu hạ tầng khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo, khu dịch vụ - du lịch Cửa Việt. Phối hợp chặt chẽ với các Bộ, Ngành triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về giải quyết các vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh, khai thác và phát huy lợi thế của tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây.

Từng bước xây dựng văn hóa kinh doanh cho các hộ tiểu thương nhằm nâng cao uy tín và thương hiệu các trung tâm thương mại lớn của tỉnh như Chợ Đông Hà, Khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo để khuyến khích tiêu dùng của khách du lịch đến tỉnh.

4. Giao thông Vận tải:

Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ các công trình, như: Cầu và đường hai đầu cầu Sông Hiếu, Cam Hiếu; Đường biên giới từ xã Tân Long đi A Dơi; Cầu An Mô; mở thêm các tuyến vận tải hành khách phục vụ miền núi. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến, kêu gọi đầu tư cảng biển Mỹ Thủy, đường ven biển. Tranh thủ nguồn vốn ODA, vốn bảo trì đường bộ xây dựng mới hoặc nâng cấp hệ thống đường tỉnh, đường giao thông nông thôn. Phấn đấu doanh thu ngành vận tải năm 2014 đạt 850 tỷ đồng tăng 6,25% so với năm 2013.

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước. Nâng cao năng lực cơ sở hạ tầng giao thông vận tải. Áp dụng đồng bộ các biện pháp như vận động, tuyên truyền, kiểm tra, giải toả lấn chiếm lòng, lề đường, vỉa hè... Nâng cao chất lượng công

tác đào tạo, sát hạch cấp giấy phép lái xe, đăng kiểm các phương tiện cơ giới đường bộ, dịch vụ vận tải hành khách, hàng hóa nhằm giảm thiểu tai nạn giao thông. Tiếp tục triển khai thực hiện Năm ATGT 2014 với chủ đề: “Tăng cường quản lý hoạt động vận tải và siết chặt kiểm soát tải trọng xe”. Phấn đấu giảm tai nạn giao thông cả 3 tiêu chí từ 5-10% so với năm 2014.

Tập trung chỉ đạo công tác GPMB QL1 những đoạn còn lại trên địa bàn tỉnh theo Chỉ thị của Thường vụ Tỉnh ủy, bao gồm 1.817 hộ bị ảnh hưởng; 68 hộ phải tái định cư trên tổng chiều dài 57 km. Phấn đấu đến hết quý 1/2014 hoàn thành công tác GPMB toàn tuyến.

5. Thu hút đầu tư, kinh tế đối ngoại và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, kinh tế hợp tác:

Tăng cường thu hút và nâng cao hiệu quả xúc tiến đầu tư. Đẩy mạnh quảng bá tiềm năng, cơ hội, chính sách ưu đãi đầu tư, danh mục các dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh. Tập trung kêu gọi, thu hút các dự án động lực, trọng điểm trong Khu Kinh tế Đông Nam. Hỗ trợ các nhà đầu tư triển khai các cam kết đã ký với tỉnh. Tích cực làm việc với các Bộ, ngành có liên quan để giải quyết thủ tục đầu tư cho các dự án.

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn, phấn đấu nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt Định hướng thu hút đầu tư trong và ngoài nước giai đoạn 2012 - 2015 của tỉnh, trong đó chú trọng các lĩnh vực đầu tư cơ sở hạ tầng, lĩnh vực công nghệ cao, chế biến sâu tài nguyên khoáng sản.

Triển khai thực hiện tích cực Đề án số 300/ĐA-UBND ngày 30/1/2013 của UBND tỉnh v/v rà soát, bổ sung định hướng thu hút và sử dụng nguồn viện trợ ODA giai đoạn 2010-2015. Tập trung thu hút, vận động tài trợ các dự án ODA đã có chủ trương của Chính phủ và nhà tài trợ, đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị thủ tục để ký kết Hiệp định đối với các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục tài trợ. Tăng cường công tác thu hút, vận động các dự án ODA trong danh mục dự án 2012-2015 đã được tỉnh phê duyệt. Tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về vốn đối ứng của các dự án ODA và đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn các dự án ODA đang thực hiện. Mở rộng thành phần tiếp nhận và sử dụng nguồn vốn ODA, kể cả các doanh nghiệp tư nhân trên cơ sở quan hệ đối tác công tư nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ODA. Triển khai dự án cấp nước sông Nhùn theo hình thức PPP. Tăng cường tiếp cận với các nhà tài trợ ODA truyền thống như ADB, WB, JICA, UNDP, KOICA đồng thời mở rộng quan hệ với các nhà tài trợ mới như Ả Rập Xê Út, OFID, IFAD, KEXIM. Triển khai có hiệu quả Chương trình hạnh phúc tỉnh Quảng Trị do KOICA (Hàn Quốc) hỗ trợ.

Triển khai tích cực chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 41-CT/TW ngày 15/4/2010 của Ban Bí thư TW Đảng v/v tăng cường ngoại giao kinh tế trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Triển khai thực hiện có hiệu quả Quy chế quản lý về viện trợ phi chính phủ nước ngoài

NGO và Chương trình trình xúc tiến vận động viện trợ NGO giai đoạn 2011-2015 của tỉnh.

Tích cực tháo gỡ khó khăn, xử lý tốt các vướng mắc cho các nhà đầu tư đang thực hiện đầu tư trên địa bàn. Tiếp tục thực hiện rà soát, đánh giá, phân loại các dự án đầu tư đã cấp phép. Kiên quyết rút giấy phép đối với những dự án không có khả năng triển khai thực hiện. Tích cực hỗ trợ Công ty điện lực quốc tế Thái Lan (EGATi) phối hợp Bộ Công thương sớm hoàn thành các thủ tục đầu tư dự án Nhà máy nhiệt điện 1.200MW tại Hải Lăng.

Triển khai có hiệu quả chương trình công tác thông tin đối ngoại 2014 nhằm tăng cường giới thiệu, quảng bá về mảnh đất, con người, tiềm năng và lợi thế của tỉnh Quảng Trị với bạn bè, các nhà đầu tư, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Chỉ đạo Ban Hội nhập & Hợp tác kinh tế quốc tế tỉnh tiếp tục đánh giá, triển khai kế hoạch công tác giai đoạn 2013-2015 trên cơ sở bám sát Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 9/1/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp triển khai chủ trương chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

Thúc đẩy mạnh mẽ các giải pháp, chính sách hỗ trợ nhằm tạo điều kiện thuận lợi phát triển doanh nghiệp và kinh tế hợp tác. Tiếp tục thực hiện Đề án đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước do tỉnh quản lý thời kỳ 2011-2015 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Thực hiện việc quản lý thông tin doanh nghiệp qua hệ thống dữ liệu toàn quốc, triển khai thực hiện việc đăng ký kinh doanh qua mạng. Thực hiện tốt đề án ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp. Tăng cường công tác hậu kiểm doanh nghiệp sau đăng ký kinh doanh.

Củng cố và phát triển kinh tế hợp tác phù hợp với Luật hợp tác xã và hoạt động theo cơ chế thị trường. Thực hiện tốt Đề án về chính sách phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2009-2015 của tỉnh.

6. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm đảm bảo nhiệm vụ thu - chi ngân sách nhà nước:

Tích cực tìm các giải pháp thúc đẩy phát triển sản xuất, nuôi dưỡng và tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương. Đẩy mạnh công tác thu, tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra đối tượng nộp thuế. Phần đầu Tổng thu ngân sách trên địa bàn 1.615,62 tỷ đồng; tăng 6,8% so với dự toán Trung ương giao, bằng 98,9 % so với ước thực hiện năm 2013 và bằng 94,5% so với dự toán ĐP năm 2013. Trong đó: thu nội địa (không kể khoản thu tiền sử dụng đất 154 tỷ đồng): 875,62 tỷ đồng, tăng 16,9%, thu XNK 586 tỷ đồng 2,8% so với ước thực hiện năm 2013; Tổng chi ngân sách địa phương: 5.015,472 tỷ đồng.

Tăng cường chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách theo Chỉ thị số 09/CT-TTG ngày 24/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Thực hiện kịp thời chính sách miễn, giảm, gia hạn thời hạn nộp thuế, vừa khuyến khích sản xuất, kinh doanh, vừa động viên hợp lý nguồn thu, đồng thời tăng cường quản lý thu, chống thất thu và xử lý nợ đọng thuế. Kiểm soát chi ngân sách chặt chẽ, tiết

kiệm và hiệu quả. Điều hành ngân sách chủ động, bảo đảm cân đối thu chi. Tăng cường công khai thông tin về giá.

Tạo môi trường thuận lợi, bình đẳng cho các thành phần kinh tế trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Tăng cường theo dõi, kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế của các tổ chức, cá nhân; phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, không đủ số thuế phải nộp. Đẩy mạnh các biện pháp quản lý thu đối với các khoản thu liên quan đến đất đai, kinh doanh bất động sản, tài nguyên khoáng sản.

Các địa phương, đơn vị chủ động sử dụng dự toán đã được giao, được phân cấp để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ, hạn chế tối đa việc bổ sung ngoài dự toán. Đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng ngân sách. Kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn tài chính thực hiện các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, bảo đảm đúng mục đích, đúng đối tượng và hiệu quả.

7. Giáo dục và Đào tạo

Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo ở các cấp học và bậc học. Thực hiện có hiệu quả các Chương trình, Đề án phát triển giáo dục và đào tạo.

Giữ vững phổ cập THCS, tiếp tục thực hiện đề án phổ cập THPT, đề nghị Bộ GD-ĐT kiểm tra công nhận tỉnh hoàn thành phổ cập mầm non 5 tuổi đạt chuẩn quốc gia. Thực hiện tốt chủ trương *“Đổi mới quản lý và nâng cao chất lượng giáo dục”*. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua *“Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”*.

Đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục, tích cực huy động các nguồn vốn đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo. Khuyến khích phát triển các mô hình trường nuôi dạy trẻ, trường mẫu giáo tư thục, trung tâm tin học, trung tâm ngoại ngữ, trường dạy nghề, trường THPT dân lập... Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về giáo dục và đào tạo; chấn chỉnh việc dạy thêm, học thêm, thiết lập kỷ cương trường, lớp học...

Chú trọng xây dựng đội ngũ giáo viên vừa đáp ứng yêu cầu trình độ chuyên môn vừa đảm bảo đủ tỷ lệ giáo viên trên các cấp học, bậc học theo qui định của Bộ Giáo dục - Đào tạo.

Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị trường học. Tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ giáo dục cho người nghèo; chính sách kiên cố hóa trường lớp học, hỗ trợ xây dựng nhà ở giáo viên, nhà bán trú dân nuôi cho học sinh vùng khó; thực hiện đề án luân chuyển cán bộ giáo viên vùng miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.

Nâng cao chất lượng đào tạo các trường dạy nghề, từng bước bổ sung xây dựng cơ sở vật chất cho các trường Cao đẳng sư phạm, Trung học y tế, Trung học Nông nghiệp; Thực hiện tốt kế hoạch tuyển sinh Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề... nhằm thực hiện Nghị quyết số 7-NQ/TU ngày 20/4/2007 của Tỉnh uỷ về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2007-2015.

8. Công tác dân số, y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân và bảo vệ trẻ em

Tập trung thực hiện tốt các Chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, Dân số-KHHGD, phòng chống HIV/AIDS, tiêm chủng mở rộng và An toàn vệ sinh thực phẩm. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư cho y tế. Hoàn thành Bệnh viện chuyên khoa Lao và bệnh Phổi; tiếp tục đẩy nhanh tiến độ xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh, các trung tâm y tế tuyến huyện, đồng thời tiếp tục hỗ trợ đầu tư các trạm y tế xã theo hướng đạt chuẩn quốc gia.

Chú trọng đảm bảo vật tư, thuốc men, hóa chất để phòng chống, khống chế dịch bệnh, không để lây lan trên diện rộng. Thực hiện tốt công tác quản lý và đảm bảo quy trình chuyên môn trong tiêm chủng, không để tai biến nặng và tử vong xảy ra. Đẩy mạnh công tác truyền thông dinh dưỡng, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi xuống dưới 15,5%. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm.

Thực hiện tốt các chính sách bảo hiểm tự nguyện, bảo hiểm người cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và trẻ em dưới 6 tuổi; khám chữa bệnh cho người nghèo. Quản lý chặt các hoạt động hành nghề y dược tư nhân và kinh doanh thuốc, dược phẩm.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của HĐND tỉnh về hoàn thiện hệ thống y tế cơ sở và Nghị quyết đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động y tế, khuyến khích phát triển hệ thống y tế ngoài công lập, mở rộng các hình thức chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng dân cư; phấn đấu tỷ lệ trạm y tế xã phường có bác sĩ lên đạt 85% năm 2014, xã đạt chuẩn quốc gia về y tế theo chuẩn mới lên 45%.

Triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 06/2010/NQ-HĐND ngày 20/4/2010 về chính sách dân số-KHHGD đến năm 2015, định hướng đến năm 2020. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động truyền thông, quản lý dân số, cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và KHHGD. Mở rộng mô hình xây dựng Làng không có người sinh con thứ 3 trở lên. Phấn đấu giảm tỷ lệ sinh 0,5‰ và đạt tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên dưới 1%. Ưu tiên tập trung nguồn lực đầu tư và tăng cường chỉ đạo thực hiện tốt công tác dân số ở các vùng có mức sinh cao, vùng miền núi, vùng biển và ven biển.

9. Phát triển văn hoá - thể thao - du lịch và thông tin - truyền thông

Đẩy mạnh thực hiện phong trào “Toàn dân xây dựng đời sống văn hoá cơ sở” và cuộc vận động xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc; chiến lược về bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ; ngăn chặn tình trạng bạo lực gia đình.

Xã hội hóa mạnh mẽ để huy động các nguồn lực đầu tư phát triển văn hóa, xây dựng và nâng cấp hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao. Đầu tư tôn tạo hệ thống di tích lịch sử cách mạng, tập trung cho những di tích trọng điểm. Gắn công tác tôn tạo, bảo tồn và tổ chức lễ hội với du lịch. Huy động nguồn lực để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng ở các khu dịch vụ du lịch Cửa Tùng - Cửa Việt theo quy hoạch đã được duyệt, hỗ trợ đầu tư các điểm du lịch Triệu Lăng, Hải Khê và đầu tư các di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh của tỉnh.

Phát huy lợi thế cạnh tranh của tỉnh để phát triển mạnh kinh tế dịch vụ, du lịch. Tập trung đẩy mạnh công tác xúc tiến, quảng bá du lịch. Tổ chức khai thác, nâng cao chất lượng và thương hiệu một số sản phẩm du lịch: Hoài niệm về chiến trường xưa và đồng đội, du lịch đường bộ hành lang kinh tế Đông - Tây, du lịch biển, đảo; du lịch tâm linh... Xúc tiến mạnh chương trình tham quan đảo Côn Cỏ. Tổ chức các dịch vụ hỗ trợ khu liên kề Nghĩa trang Liệt sỹ Trường Sơn, dịch vụ bên ngoài Thành cổ Quảng Trị, Địa đạo Vịnh Mốc...

Coi trọng các hoạt động thể thao quần chúng; quan tâm đầu tư phát triển thể thao thành tích cao ở những bộ môn có lợi thế.

Nâng cao chất lượng các hoạt động thông tin, báo chí, xuất bản; tăng diện phủ sóng phát thanh, truyền hình tiếng dân tộc thiểu số tới các vùng sâu, vùng xa... Thực hiện tốt việc định hướng thông tin cho các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh để phát huy hiệu quả tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước. Tổ chức kiểm tra việc ngấm hóa cấp thông tin địa bàn thành phố Đông Hà. Thực hiện tốt việc cấp giấy phép sử dụng tần số và phát sóng vô tuyến điện trên phương tiện nghề cá. Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan quản lý nhà nước tỉnh.

10. Tài nguyên - Môi trường và phát triển bền vững

Đẩy mạnh công tác đo đạc lập bản đồ địa chính những khu vực có biến động lớn, kết hợp công tác cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập bộ hồ sơ địa chính ban đầu, từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước, môi trường khí tượng thủy văn.

Hoàn thành phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, cấp xã. Tăng cường công tác quản lý, sử dụng tài nguyên đất, tập trung cho công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm, như: mở rộng quốc lộ 1A, dự án Reta; Thực hiện công tác thống kê đất đai hàng năm, công tác thu hồi, giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quy định. Triển khai Luật Đất đai sửa đổi sau khi được Quốc hội thông qua. Tập trung điều tra cơ sở hạ tầng phát triển quỹ đất tạo nguồn tăng thu ngân sách tỉnh.

Thực hiện tốt công tác quản lý tài nguyên khoáng sản và nước. Tiếp tục đẩy mạnh việc kiểm tra, thanh tra các hoạt động cấp phép, thăm dò, khai thác khoáng sản, kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, thăm dò, khai thác khoáng sản.

Quản lý tổng hợp các hoạt động khai thác tài nguyên biển và tăng cường quản lý môi trường biển và vùng ven biển; tăng cường bảo vệ các hệ sinh thái ven biển, nhất là bảo vệ diện tích rừng dọc theo bờ biển. Thực hiện khai thác phải đi đôi với bảo vệ, tái tạo các nguồn lợi thủy hải sản, hạn chế việc khai thác thủy hải sản ven bờ. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về biển, đảo.

Triển khai thực hiện các Chương trình hành động, Chương trình phối hợp, Kế hoạch bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, khắc phục chất độc hoá học trên địa bàn tỉnh. Thực hiện các đề án, nhiệm vụ thuộc Chương trình mục

tiêu quốc gia khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; Tổ chức các hoạt động hưởng ứng các ngày lễ về môi trường. Xây dựng tiêu chí chuẩn mực về môi trường trong các cơ quan, đơn vị, cộng đồng dân cư. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tăng cường công tác kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình xử lý môi trường sau đánh giá tác động môi trường. Kiểm tra xác nhận hoàn thành xử lý triệt để ô nhiễm môi trường tại các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Thực hiện quan trắc môi trường định kỳ trên địa bàn tỉnh. Giám sát các nguồn thải xả thải vào nguồn nước. Cập nhật Bộ chỉ thị môi trường tỉnh. Thiết lập hành lang và bảo tồn đa dạng sinh học. Tăng cường công tác quản lý, ngăn ngừa, giám sát sự xâm nhập đối với các loài sinh vật ngoại lai, sinh vật ngoại lai xâm hại. Nâng cao năng lực quản lý môi trường. Thành lập Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh.

11. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 và nhân rộng cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại tại UBND cấp huyện gắn với rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính hiện hành. Triển khai thực hiện Bộ chỉ số cải cách hành chính, Bộ chỉ số đánh giá hoạt động của Bộ phận một cửa cấp huyện.

Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí biên chế của cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh, UBND huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, hiệu quả; trong đó chú trọng việc xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức theo Nghị định số 41/2012/NĐ-CP và Nghị định số 36/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Rà soát hệ thống trường lớp các cấp học, cơ sở dạy nghề, cơ sở y tế, cơ sở văn hóa để tổ chức lại phù hợp với quy mô và yêu cầu thực tế. Tổ chức lại các tổ chức xúc tiến đầu tư theo hướng tập trung đầu mối để nâng cao năng lực phục vụ cho yêu cầu nghiên cứu, xúc tiến và đầu tư phát triển các lĩnh vực kinh tế - xã hội của tỉnh có hiệu quả. Kiện toàn, sắp xếp nhân sự các sở, ngành, cơ quan, đơn vị theo Đề án số 82/ĐA-BCS ngày 08/10/2012 của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh và Thông báo số 376-TB/TU ngày 22/11/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Hoàn thiện quy hoạch cán bộ diện UBND tỉnh quản lý để phê duyệt và triển khai thực hiện.

Thực hiện tốt việc đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ, thu hút và tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho tỉnh. Tập trung đào tạo bồi dưỡng chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để từng bước thực hiện tiêu chuẩn hóa. Chú trọng đào tạo sau đại học, đào tạo cán bộ có năng lực để đảm bảo tham mưu, hoạch định chính sách; đồng thời ưu tiên đào tạo đội ngũ cán bộ công chức cấp xã là người dân tộc thiểu số, cán bộ nữ, cán bộ trẻ có năng lực.

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết TW 5, khóa IX về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn; Quyết định số

513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Dự án “Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính”.

Thực hiện tốt công tác tiếp dân gắn với tuyên truyền, phổ biến pháp luật, tăng cường đối thoại trực tiếp trong việc giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân. Tích cực xử lý, giải quyết khiếu nại tố cáo. Nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện tốt công tác hòa giải cơ sở và thi hành án dân sự. Đẩy mạnh thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở.

Thực hiện nghiêm pháp luật về phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Triệt để tiết kiệm, nhất là trong hội họp, tiếp khách, đi công tác nước ngoài... Tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra; xử lý nghiêm các vi phạm. Đề cao trách nhiệm giải trình trong thực thi công vụ và trách nhiệm của người đứng đầu. Kiện toàn tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng chống tham nhũng. Tăng cường công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo. Xử lý phù hợp tại cơ sở, hạn chế phát sinh khiếu nại vượt cấp. Tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại còn tồn đọng.

Tăng cường quản lý nhà nước về xây dựng và thi hành pháp luật, hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý; trong đó, đẩy mạnh việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật nhằm đảm bảo thực thi các cam kết của Việt Nam với Tổ chức Thương mại thế giới, thực hiện hiệu quả đề án phát triển đội ngũ luật sư tỉnh Quảng Trị đến năm 2020; đẩy mạnh hoạt động trợ giúp pháp lý cho trẻ em và các đối tượng chính sách huyện nghèo 30a.

12. Quốc phòng - An ninh

Quán triệt, thực hiện tốt các Nghị quyết, Chỉ thị của TW về thực hiện Chiến lược bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới. Thực hiện có hiệu quả các Chương trình quốc gia về phòng, chống tội phạm và phòng chống ma túy trên địa bàn.

Duy trì nghiêm chế độ thường trực sẵn sàng chiến đấu; nắm chắc tình hình địa bàn, kịp thời xử lý các tình huống không để bất ngờ xảy ra. Sẵn sàng lực lượng, phương tiện tham gia thực hiện nhiệm vụ phòng chống lụt bão - tìm kiếm cứu nạn, cháy nổ, cháy rừng, phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai khi tình huống xảy ra. Hoàn thành chỉ tiêu giao quân năm 2014, bảo đảm chất lượng, an toàn, đúng luật. Triển khai đồng bộ các biện pháp quản lý, bảo vệ chủ quyền và giải quyết kịp thời, có hiệu quả những vấn đề nảy sinh trên các tuyến biên giới và biển đảo của tỉnh.

Bảo vệ an toàn tuyệt đối các hoạt động, mục tiêu chính trị, KT-XH, ANQP trên địa bàn tỉnh, không lơ là mất cảnh giác. Đẩy mạnh công tác phòng ngừa, đấu tranh trấn áp các loại tội phạm, không để hình thành tổ chức chính trị phản động, các hoạt động khủng bố, phá hoại, gây rối, bạo loạn; thực hiện có hiệu quả công tác phòng chống cháy nổ, quản lý nhà nước về vũ khí, vật liệu nổ. Tăng cường công tác quản lý cư trú, quản lý nhân hộ khẩu, quản lý người nước ngoài. Thực hiện quyết liệt các biện pháp hạn chế tai nạn giao thông, làm tốt công tác tuyên

truyền, phổ biến pháp luật về giao thông, phân đầu giảm cả 3 tiêu chí về số vụ, số người chết, số người bị thương so với năm 2013.

III. Một số giải pháp chung chủ yếu:

1. Thực hiện chủ trương của Chính phủ về ổn định kinh tế vĩ mô; Tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm tăng trưởng hợp lý.

Thực hiện nghiêm túc, kịp thời, hiệu quả các chính sách tiền tệ theo sự chỉ đạo, điều hành của Ngân hàng Trung ương, nhất là các quy định về lãi suất huy động, lãi suất cho vay... Tăng cường công tác thẩm định cho vay nhằm hạn chế nợ xấu phát sinh và tập trung xử lý các khoản nợ xấu. Ưu tiên vốn tín dụng cho nông nghiệp, nông thôn, sản xuất hàng xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghiệp hỗ trợ, công nghệ cao. Thực hiện gia hạn nợ, định lại kỳ hạn nợ và cho vay mới đối với các hộ dân bị thiệt hại do bão số 10, 11 gây ra.

Tiếp tục đổi mới, sắp xếp các doanh nghiệp Nhà nước theo đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tích cực chỉ đạo các ngành, các cấp rà soát, phân loại các doanh nghiệp nhằm thực hiện chính sách giảm, giãn thuế theo đúng đối tượng quy định tại Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10/5/2012 của Chính phủ.

Tăng cường quản lý thị trường, giá cả. Tích cực triển khai các chương trình kích cầu thị trường nội địa, tăng sức mua thị trường, góp phần giảm hàng tồn kho. Tổ chức thực hiện tốt cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” với các hình thức thiết thực và hiệu quả. Gắn cuộc vận động này với trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong tất cả các khâu từ sản xuất đến lưu thông, phân phối, tiêu thụ sản phẩm. Tổ chức các điểm bán hàng lưu động, đưa hàng Việt về nông thôn, địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa; đảm bảo hàng hóa lưu thông thông suốt từ thành thị đến nông thôn góp phần bình ổn thị trường, giá cả.

Nâng cao hiệu quả xúc tiến thương mại, củng cố và mở rộng thị trường xuất khẩu, đơn giản hoá các thủ tục xuất khẩu tại cửa khẩu. Tăng cường đấu tranh chống buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại. Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư vào các KCN, Khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo, tăng cường công tác quản lý và hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả.

Đơn giản hóa thủ tục hành chính, nhất là về thuế, hải quan, đất đai, thành lập, giải thể doanh nghiệp... tạo thuận lợi và giảm chi phí cho sản xuất kinh doanh. Thực hiện các giải pháp hỗ trợ sản xuất kinh doanh theo đặc thù ngành, các chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng đầu tư của nhà nước, khuyến khích ứng dụng công nghệ cao; chính sách khuyến công, khuyến nông. Hỗ trợ phù hợp việc tiêu thụ đối với các mặt hàng chủ lực và khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh.

2. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch các ngành, lĩnh vực để tạo môi trường pháp lý ổn định cho việc huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư. Tiếp tục đổi

mới công tác kế hoạch phát triển kinh tế xã hội các cấp, theo quyết định số 12/2011/QĐ-UBND ngày 01/6/2011 và quyết định số 28/2013/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 của UBND tỉnh về ban hành quy trình lập, thực hiện và theo dõi đánh giá kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm cấp xã và cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, nhằm tăng cường sự tham gia và từng bước minh bạch, gắn kết công tác kế hoạch, đầu tư.

Tổ chức thực hiện tốt chương trình hành động của tỉnh thực hiện đề án tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo Quyết định 339/QĐ-TTg ngày 19/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Xác định và công bố danh mục các dự án hạ tầng khả thi, có khả năng thu hồi vốn cho giai đoạn 2013 - 2015 và các năm tiếp theo để thu hút, huy động tư nhân đầu tư phát triển hạ tầng theo các hình thức đầu tư kết hợp công - tư thích hợp (PPP, BT, BOT, BO,...).

Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh nhằm tiếp tục nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong các lĩnh vực đầu tư và thực hiện đầy đủ các cơ chế, chính sách ưu đãi của nhà nước và chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư của tỉnh.

Đẩy mạnh các hình thức liên doanh, liên kết, góp vốn cổ phần để huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển; thực hiện các chương trình, dự án đầu tư với phương thức Nhà nước và nhân dân cùng làm. Xã hội hóa mạnh mẽ đầu tư trong các lĩnh vực văn hóa - xã hội, khoa học - công nghệ, bảo vệ môi trường.

Tạo môi trường thuận lợi về kết cấu hạ tầng và cơ chế, chính sách để thu hút đầu tư FDI vào các lĩnh vực sản xuất công nghiệp và du lịch có lợi thế cạnh tranh. Đẩy mạnh quá trình giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để người dân ổn định và yên tâm đầu tư lâu dài vào sản xuất.

Thực hiện các giải pháp khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các Trung tâm phát triển quỹ đất đầu tư để tăng thu từ nguồn vốn đầu tư quyền sử dụng đất để bù đắp cho nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước bị giảm mạnh.

Tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc quy định của Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, Ngành Trung ương liên quan nhằm nâng cao hiệu lực quản lý và hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư từ Ngân sách Nhà nước và trái phiếu Chính phủ.

3. Tăng cường hợp tác phát triển vùng và mở rộng quan hệ quốc tế

Thực hiện đồng bộ các biện pháp, chính sách để đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế; tăng cường hợp tác với các địa phương, các tỉnh trên Hành lang kinh tế Đông Tây để thúc đẩy đầu tư, thương mại và du lịch.

Hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng và đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo sự thông thoáng cho hàng hoá xuất nhập khẩu qua cửa khẩu quốc tế Lao Bảo, cửa khẩu chính La Lay và khu KTTM đặc biệt Lao Bảo, cảng biên Cửa Việt phục vụ tốt cho hoạt động xuất nhập khẩu. Tập trung xây dựng khu KTTM đặc biệt Lao Bảo thành đầu cầu kinh tế năng động của tuyến hành lang kinh tế Đông Tây trên lãnh thổ Việt Nam. Hoàn chỉnh hồ sơ và trình các Bộ, ngành liên

quan để trình Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt nâng cấp của khẩu chính La Lay lên cửa khẩu Quốc tế.

Giữ vững quan hệ hữu nghị đặc biệt với các tỉnh bạn Lào có chung đường biên giới; xây dựng và củng cố đường biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác, tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp và nhân dân hai bên biên giới sinh sống và phát triển kinh tế.

Tăng cường hoạt động ngoại thương, kinh tế đối ngoại, củng cố giữ vững thị trường xuất nhập khẩu hiện có và mở rộng sang các thị trường mới.

4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, ứng dụng khoa học công nghệ

Tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 07-NQ/TU của Tỉnh uỷ về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2007-2015 và Đề án đào tạo nguồn nhân lực (trọng tâm là đào tạo nghề cho người lao động) giai đoạn 2008-2015 của HĐND tỉnh. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để từng bước thực hiện tiêu chuẩn hóa.

Tổ chức thực hiện hiệu quả Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh giai đoạn 2011 - 2020; Đề án một số chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ và thu hút nguồn nhân lực có chất lượng của tỉnh giai đoạn 2012-2020. Triển khai có hiệu quả Chiến lược phát triển dạy nghề giai đoạn 2011 - 2020; Đề án 1080/ĐA-UBND của UBND tỉnh về “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các chương trình đào tạo nghề cho người lao động. Nâng cao hiệu quả hoạt động của sàn giao dịch việc làm nhằm tăng cường công tác giới thiệu việc làm và xuất khẩu lao động.

Tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ giai đoạn 2011 - 2020 và Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia; Nghị quyết 03/2010/NQ-HĐND ngày 20/4/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2010-2015, định hướng đến năm 2020. Đẩy mạnh chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp và các ngành, lĩnh vực. Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ.

Đẩy mạnh hoạt động thông tin, tư vấn, đánh giá, thẩm định và giám định công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Phát huy vai trò của Liên hiệp các hội khoa học - kỹ thuật trong phản biện khoa học, phản biện xã hội đối với các đề án quy hoạch trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp khoa học - công nghệ.

5. Đảm bảo an sinh xã hội gắn với giảm nghèo bền vững

Triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn; Chương trình hành động của BCH Đảng bộ tỉnh (khóa XV) và kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 5 (khóa XI) về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020; Nghị quyết 06/2012/NQ-HĐND ngày 13/4/2012 của HĐND tỉnh (khóa VI) về giảm

nghèo bền vững đối với các xã, thôn, bản, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có tỷ lệ hộ nghèo cao.

Đẩy mạnh thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội gắn với giải quyết việc làm. Khuyến khích các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp phát triển mạnh sản xuất kinh doanh để tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Trong đó chú trọng các chính sách khuyến khích đầu tư, chính sách ưu đãi đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng nhiều lao động, nhất là lao động ở nông thôn.

Tập trung các nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trong lĩnh vực xã hội. Tích cực huy động các nguồn vốn để lồng ghép, thực hiện mục tiêu xoá đói, giảm nghèo, tạo việc làm và các mục tiêu an sinh xã hội khác.

Tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 80/NQ-CP của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ 2011-2020, Đề án giảm nghèo nhanh và bền vững tại huyện Đakrông theo Nghị quyết 30a, đề án giảm nghèo bền vững đối với các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao. Phấn đấu đưa tỷ lệ hộ nghèo tại huyện Đakrông (huyện nghèo theo Nghị quyết 30a) giảm còn 31% với mức giảm 5-6% so với ước thực hiện năm 2012.

Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở (giai đoạn 2), Đề án hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động. Nâng cao chất lượng, hiệu quả chăm sóc, bảo vệ trẻ em, nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia phòng chống ma túy. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Trung tâm chữa bệnh, giáo dục, lao động xã hội. Thu hút thêm người nghiện ma túy tham gia chương trình cai nghiện bằng thuốc nghiện thay thế Methadole.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách, chế độ ưu đãi theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, chính sách đối với thanh niên xung phong, chính sách trợ cấp xã hội. Đến hết năm 2013, hỗ trợ giải quyết khó khăn về nhà ở đối với hộ người có công. Thực hiện kịp thời, đúng quy định các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với các gia đình chính sách, người dân vùng khó khăn, vùng bị thiên tai, dịch bệnh.

Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách về đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, chính sách di dân, tái định cư cho đồng bào du canh, du cư, trung tâm cụm xã, Dự án hỗ trợ giảm nghèo ở các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo.

Đẩy mạnh và thực hiện có hiệu quả các phong trào “tương thân tương ái”, “đền ơn đáp nghĩa”, “uống nước nhớ nguồn” do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp, các tổ chức từ thiện và cá nhân chủ động thực hiện và hưởng ứng tham gia để góp phần nâng cao đời sống an sinh xã hội, nhất là đối với người nghèo, vùng nghèo.

6. Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước tạo động lực thúc đẩy và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; xây dựng xã hội văn minh, lành mạnh.

7. Tăng cường bảo vệ, cải thiện môi trường, góp phần nâng cao chất lượng tăng trưởng và phát triển bền vững.

Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ tài nguyên, môi trường. Tăng cường kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm, nhất là đối với hoạt động khai thác tài nguyên; xử lý nghiêm các vi phạm về môi trường. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư, ứng dụng khoa học, công nghệ vào cải thiện môi trường, thu gom, xử lý, tái chế chất thải. Triển khai có hiệu quả các chương trình, đề án về môi trường, nhất là về nước sạch và vệ sinh môi trường; quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên nước; bảo tồn đa dạng sinh học; xử lý chất thải, các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng; ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

8. Thực hiện có hiệu quả các giải pháp để củng cố tiềm lực quốc phòng - an ninh, tạo sức mạnh tổng hợp bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ quốc gia và an ninh Tổ quốc.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tình hình KT-XH, QP-AN năm 2013; Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH, QP-AN năm 2014 của tỉnh, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- VPCP, VPQH, VP Chủ tịch nước;
- Bộ Tư lệnh Quân khu 4;
- T.vụ TU, TT/HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT, các UV UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã;
- Các Sở, Ban ngành, Đoàn thể;
- VP HĐND tỉnh;
- Chánh, PVP, CV;
- Lưu VT, TH(D). *ly*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Cường



Phụ lục
Ước thực hiện các chỉ tiêu KT-XH chủ yếu năm 2013
và kế hoạch 2014

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2013	Ước TH 2013	KH 2014
1. Tốc độ tăng trưởng GDP	%	8,5-9	6,7	≥7
- Khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	2,5-3	1,8	≥2
- Khu vực công nghiệp - xây dựng	%	11,5-12	7,9	≥8
- Khu vực dịch vụ	%	8,5-9	8,6	≥9
2. GDP bình quân đầu người	Tr đồng	26	26,9	29
3. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	Tỷ đồng	8.300-8.400	8.200	8.500
4. Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	1.710	1.633	1.615
Trong đó: - Thu nội địa	Tỷ đồng	875	1063	1029
- Thu XNK	Tỷ đồng	835	570	586
5. Tổng chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	4.782	5.840	5.015
6. Kim ngạch xuất khẩu	Tr USD	110	118	135
7. Kim ngạch nhập khẩu	Tr USD	140	140	160
8. Sản lượng lương thực có hạt	Vạn tấn	23	23,4	23,5
9. Diện tích trồng mới cây công nghiệp dài ngày	ha	1.150	1.192	1.000
10. Trồng mới rừng tập trung	ha	5.500	6.500	5.500
11. Sản lượng thủy sản	Tấn	27.000	25.762	26.000
12. Hệ thống thủy lợi của 30 xã điểm xây dựng NTM của tỉnh và huyện cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất (nạo vét, kiên cố hóa và xây dựng kênh mương mới)	30 xã đạt	30 xã đạt	30 xã đạt	
13. Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập THCS	%	100	100	100
14. Tạo việc làm mới	Người	9.500	10.300	9.500
15. Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	39,2	39,2	41
16. Giảm tỷ suất sinh bình quân trong năm	‰	0,5	0,5	0,5
17. Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	2,6	2,1	2,5-3
18. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng	%	16	16	15,5
19. Tỷ lệ độ che phủ rừng	%	48,3	47,8	48,3
20. Tỷ lệ dân số thành thị sử dụng nước sạch	%	85	84,2	85
21. Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	85,8	85,6	87,2